



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ QUẢNG NGÃI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: *M.*/CBTT-CTMTĐT

Quảng Ngãi, ngày 24 tháng 3 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN
NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Tên Công ty: **Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi**

Mã chứng khoán: **MQN**

Địa chỉ trụ sở chính: Đường Tô Hiến Thành, phường Trần Phú, thành phố
Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Điện thoại: 0255.3816926; 3819612

Fax: 0255.3816930

Website: moitruongdothiquangngai.com.vn

Người công bố thông tin: **Bùi Văn Quang**

Chức danh: **Tổng Giám đốc Công ty**

Điện thoại: 0914080135

Loại công bố thông tin:

24h 72h Theo yêu cầu Bất thường Định Kỳ

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2021 của Công ty
Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào
ngày 24/3/2022 tại đường dẫn moitruongdothiquangngai.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết những thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và
hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VP_{Chi}.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Bùi Văn Quang



**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ QUẢNG NGÃI**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ QUẢNG NGÃI

Địa chỉ: Đường Tô Hiến Thành, phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

Điện thoại: (0255) 3 816 930


Fax: (0255) 3 816 930

Email: info@mqn.vn

www.mqn.vn



MỤC LỤC

1. THÔNG TIN CHUNG
 2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM
 3. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
 4. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
 5. BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY
 6. BÁO CÁO TÀI CHÍNH
- 
- A decorative graphic at the bottom of the page consisting of several overlapping, wavy, organic shapes in various shades of green, creating a layered, mountain-like or wave-like effect.

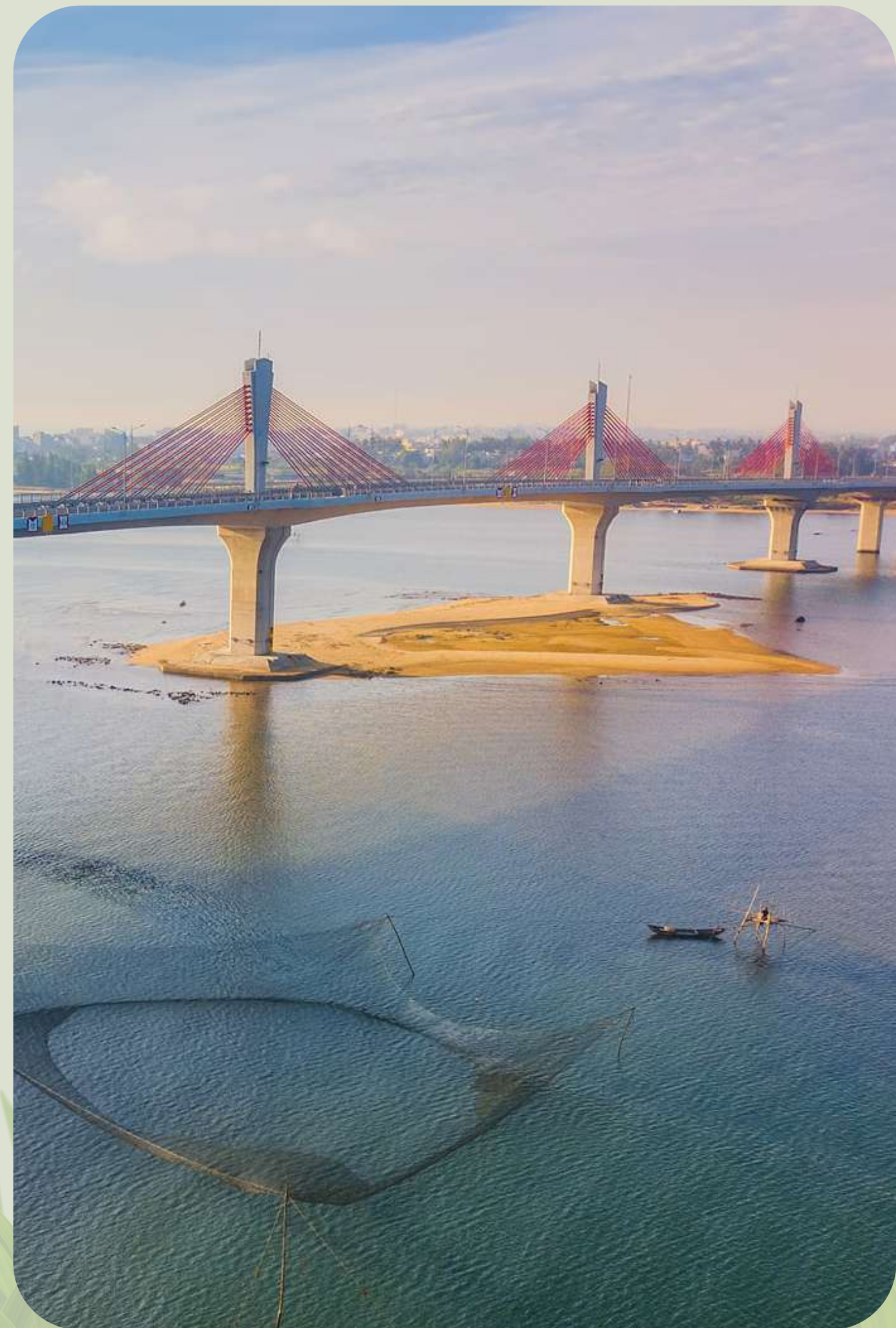
THÔNG TIN CHUNG

- THÔNG TIN KHÁI QUÁT
- NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH
- THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ
- ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
- CÁC RỦI RO



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ QUẢNG NGÃI
- Tên Tiếng Anh: QUANG NGAI URBAN ENVIRONMENT JOINT STOCK COMPANY
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 4300225555 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp lần đầu ngày 16/12/2009 và cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 22/9/2021.
- Vốn điều lệ: 47.098.860.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 47.098.860.000 đồng.
- Địa chỉ: Đường Tô Hiến Thành, phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
- Điện thoại: (0255) 3 816 930
- Fax: (0255) 3 816 930
- Mã cổ phiếu: MQN

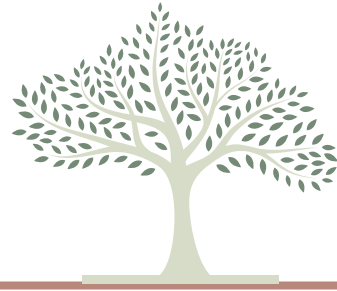


QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



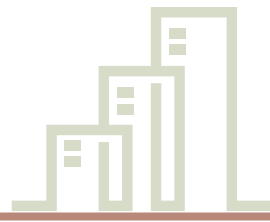
1990

Tiền thân là Công ty Công trình Đô thị thị xã Quảng Ngãi, đơn vị sự nghiệp có thu trực thuộc UBND thị xã Quảng Ngãi được thành lập theo Quyết định số 868/QĐ-UB ngày 18/9/1989 của UBND tỉnh Quảng Ngãi. Công ty đi vào hoạt động ngày 01/4/1990.



1998

UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số: 56/QĐ-UB ngày 01/01/1998 về việc thành lập Công ty Môi trường Quảng Ngãi trực thuộc UBND thị xã Quảng Ngãi.



2003

Công ty Môi trường Quảng Ngãi đổi tên thành Công ty Môi trường Đô thị Quảng Ngãi theo Quyết định số 148/2003 QĐ-UB ngày 27/8/2003 của UBND tỉnh Quảng Ngãi và được chuyển giao chức năng quản lý nhà nước đối với Công ty từ UBND thị xã Quảng Ngãi sang Sở Xây Dựng Quảng Ngãi.



2006

Được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Quảng Ngãi theo Quyết định số 2958/ QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2006 của UBND tỉnh Quảng Ngãi và do UBND tỉnh là chủ sở hữu.



2009

Đến ngày 08/12/2009 UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 2124/ QĐ-UBND chuyển Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Quảng Ngãi thành Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi.



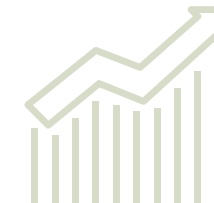
2021

Công ty tăng vốn từ 30.603.530.000 đồng lên 47.098.860.000 đồng từ việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020.



2020

Công ty tăng vốn từ 22.177.290.000 đồng lên 30.603.530.000 đồng từ việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019.



2019

Công ty tăng vốn từ 15.955.430.000 đồng lên 22.177.290.000 đồng từ việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2018.



2018

Ngày 26/04/2018, Công ty chính thức trở thành Công ty đại chúng căn cứ theo Công văn số 2685/UBCK-GSĐC của UBCKNN. Ngày 09/05/2018, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng số 30/2018/GCNCP-VSD với mã chứng khoán: MQN.

➤ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- 🌿 Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan; Trồng hoa, cây cảnh; Trồng rau, trồng đậu các loại (Mã ngành 8130, 0118).
- 🌿 Thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải các loại (Mã ngành 3811, 3812, 3821, 3822).
- 🌿 Quản lý, vận hành, bảo trì hệ thống điện chiếu sáng công cộng và đèn tín hiệu giao thông, đèn trang trí (Mã ngành 4221, 4321)
- 🌿 Quản lý, duy tu, cải tạo hệ thống thoát nước đô thị (Mã ngành 3700, 4322).
- 🌿 Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ (Mã ngành 9632).
- 🌿 Xây dựng công trình công ích (Mã ngành 4229).
- 🌿 Ngoài ra, Công ty còn có các hoạt động kinh doanh khác theo đúng ngành nghề đã được cấp phép.

➤ ĐỊA BÀN KINH DOANH

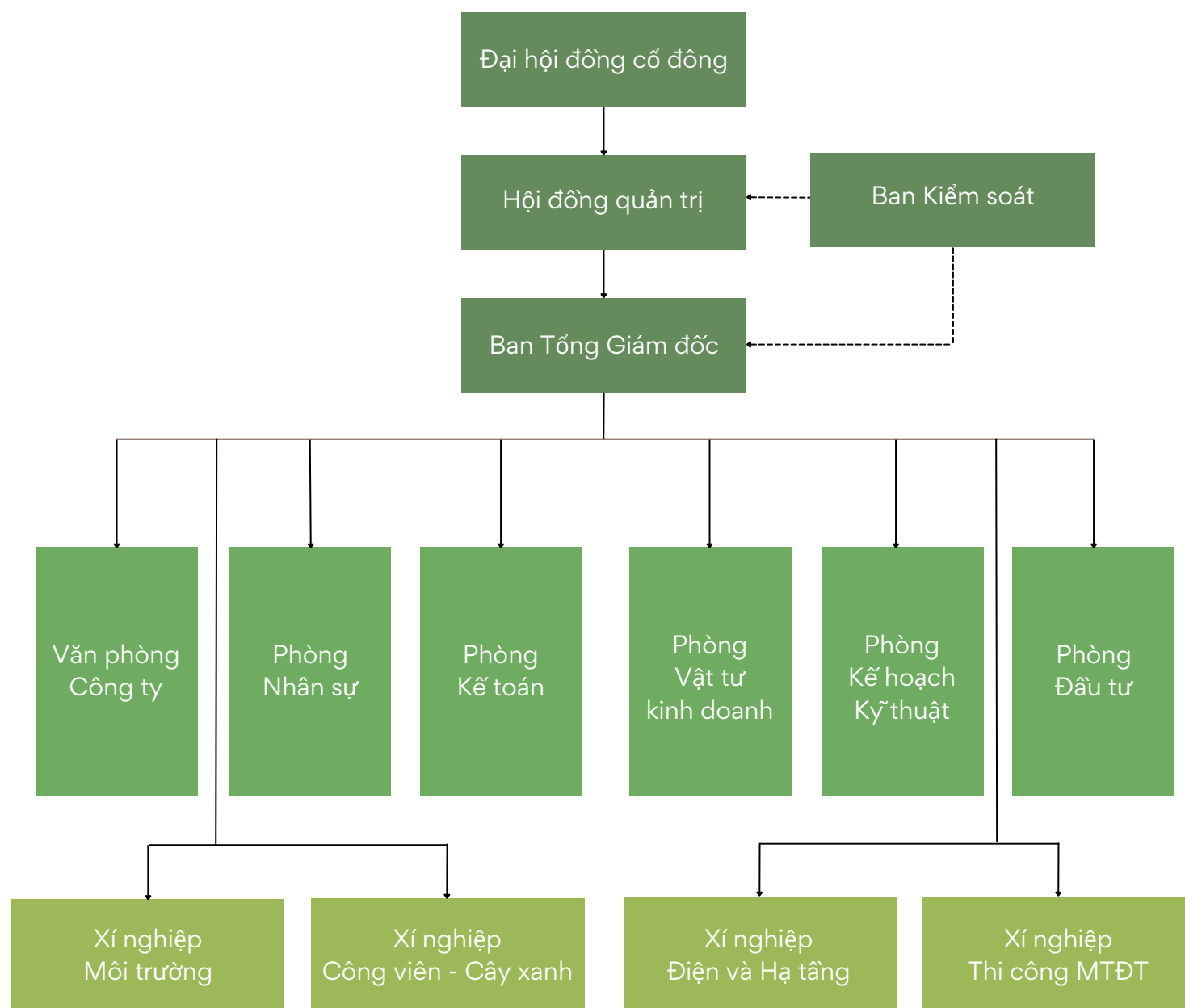
- 📍 Thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi;
- 📍 Huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi;
- 📍 Huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi;
- 📍Thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.



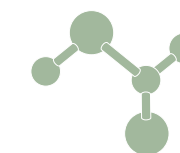
THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Công ty tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc.

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT



STT	Tên công ty con/công ty liên kết	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh	Vốn điều lệ thực góp	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
1	Công ty CP Môi trường và Dịch vụ Đô thị Việt Trì	Số 2181, đường Hùng Vương, phường Gia Cẩm, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	Dịch vụ công ích: Vệ sinh môi trường; Chăm sóc cây xanh; Hệ thống điện chiếu sáng công cộng; Hệ thống thoát nước đô thị,...	53.455.600.000 đồng (Năm mươi ba tỷ, bốn trăm năm mươi lăm triệu, sáu trăm nghìn đồng)	95,74%	Công ty con
2	Công ty CP Xử lý Rác Tổng hợp Quảng Ngãi	Đường Tô Hiến Thành, phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	Xử lý rác tổng hợp	5.000.000.000 (Năm tỷ đồng)	50%	Công ty liên kết

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY:

- Chất lượng sản phẩm dịch vụ: Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng dịch vụ các địa bàn MQN thực hiện.
- Thị phần: Chiếm thị phần chi phối trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.
- Thương hiệu: Đẩy mạnh và phát triển thương hiệu MQN tại địa phương và các tỉnh khác.
- Thu nhập người lao động:
 1. Thu nhập của người lao động trên mức trung bình so với thu nhập bình quân chung tại địa phương;
 2. Đảm bảo đầy đủ chế độ phúc lợi cho người lao động.

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY:

- Với định hướng trở thành một đơn vị hàng đầu về dịch vụ công ích, tạo được sự hài lòng và niềm tin của khách hàng, trong thời gian đến Công ty sẽ huy động mọi nguồn lực và kinh nghiệm sẵn có kết hợp với việc mở rộng đầu tư theo định hướng sau:
 - Duy trì vị trí hàng đầu trong ngành nghề kinh doanh dịch vụ công ích tại tỉnh Quảng Ngãi.
 - Tập trung huy động mọi nguồn lực, tiếp tục mở rộng thị trường và phạm vi hoạt động, phát huy thế mạnh ngành nghề của Công ty.
 - Phấn đấu xây dựng văn hóa doanh nghiệp có tính đặc thù riêng thể hiện được giá trị cốt lõi của doanh nghiệp, tạo được ấn tượng với xã hội và khách hàng.
 - Hoàn thiện bộ máy quản lý điều hành theo hướng chuyên môn hóa, phát huy tính chủ động, sáng tạo, tăng năng suất lao động.
 - Kiểm soát chặt chẽ dòng tiền, cắt giảm các chi phí không cần thiết. Kiểm soát đầu tư hiệu quả, tối ưu chi phí vốn vay.
 - Số hóa các quy trình nghiệp vụ. Hoàn thiện các hệ thống quản lý theo hướng tích hợp, hợp nhất và xuyên suốt để đẩy mạnh việc tự động hóa các quy trình nghiệp vụ, quản lý trong Công ty. Từ đó có giải pháp tối ưu chi phí trong vận hành, kinh doanh.
 - Đầu tư mua sắm thiết bị đổi mới công nghệ đảm bảo yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian đến.

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Luôn xác định việc giữ môi trường SÁNG – XANH – SẠCH – ĐẸP là mục tiêu hàng đầu.
- Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và công nghệ, huấn luyện và đào tạo người lao động về lĩnh vực bảo vệ môi trường.
- Tham gia các hoạt động tuyên truyền về bảo vệ môi trường.
- Áp dụng công nghệ sạch, ít phế thải, tiêu hao ít nguyên liệu và năng lượng.
- Chăm lo đời sống của người lao động, quan tâm đóng góp giúp đỡ các hoàn cảnh khó khăn trong Công ty và trong cộng đồng.



CÁC RỦI RO

RỦI RO VỀ KINH TẾ:

- Năm 2021 là năm vô cùng khó khăn và thách thức đối với thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng do đại dịch Covid – 19 kéo dài và diễn biến phức tạp. Kinh tế toàn cầu đối mặt với tình trạng suy thoái sâu, tồi tệ nhất trong nhiều thập kỷ qua, các nền kinh tế lớn đều không tăng trưởng hoặc giảm sâu, tỷ lệ thất nghiệp tăng ở mức cao.
- Tại Việt Nam, tuy dịch bệnh Covid – 19 được kiểm soát, nhưng ảnh hưởng của nó đến mọi lĩnh vực không hề nhỏ. Trong bối cảnh này, là doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ công ích, Công ty đã đối mặt với muôn vàn thử thách. Tuy nhiên, Ban Lãnh đạo cùng toàn thể người lao động Công ty đã cố gắng, nỗ lực tìm kiếm các giải pháp quyết liệt và hiệu quả để trụ vững qua đại dịch, thực hiện mục tiêu kép “vừa phòng chống dịch, vừa đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh”.

RỦI RO VỀ CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT:

- Là một doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, trở thành công ty đại chúng, lưu ký chứng khoán tại Trung tâm lưu ký và hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ công ích nên Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan. Luật và các văn bản dưới luật liên quan đến các lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra dẫn đến ít nhiều ảnh hưởng tới hoạt động quản trị và kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, vì là công ty hoạt động về lĩnh vực môi trường nên công ty bị tác động thêm bởi những quy chuẩn về bảo vệ môi trường và cảnh quan để đảm bảo đúng với chỉ đạo của Nhà nước.
- Để hạn chế rủi ro pháp luật. Công ty luôn theo dõi và cập nhật những văn bản mới nhất của pháp luật Việt Nam để có những điều chỉnh về hệ thống quy trình, quy định nội bộ để phù hợp với sự thay đổi đó.

RỦI RO VỀ MÔI TRƯỜNG:

- Môi trường luôn gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ công ích nên yếu tố môi trường được Công ty đặt lên hàng đầu.

- Bên cạnh đó, quá trình đô thị hóa phát triển đi đôi với việc lượng rác thải sinh hoạt, nước thải sinh hoạt cũng tăng đáng kể, đồng thời ý thức của một số bộ phận người dân còn chưa cao, xả rác bừa bãi, tự ý bỏ rác tại những nơi không được quy định gây tình trạng ô nhiễm môi trường, mất mỹ quan đô thị, ... Đây là một thách thức lớn tác động đến các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ công ích trong lĩnh vực môi trường nói chung và MQN nói riêng.
- Trước tình hình đó, Công ty đã nhanh chóng triển khai các kế hoạch bảo vệ môi trường. Công ty luôn chủ động phối hợp với cơ quan địa phương trong việc đẩy mạnh tuyên truyền, đưa việc bảo vệ môi trường vào trong nội dung các cuộc họp tổ dân phố, thường xuyên phát động các phong trào xanh – sạch – đẹp, từ đó, góp phần nâng cao ý thức của người dân trong việc bảo vệ môi trường.

RỦI RO CẠNH TRANH:

- Nhà Nước đã đưa ra chính sách khuyến khích áp dụng đấu thầu đối với các hoạt động dịch vụ công ích nhằm thu hút sự tham gia từ các doanh nghiệp tư nhân, nâng cao tính cạnh tranh và cải thiện chất lượng dịch vụ. Dẫn đến, thị trường ngành dịch vụ công ích sẽ ngày càng gay gắt, cạnh tranh khốc liệt với các công ty cùng ngành trong nước sử dụng giải pháp chào giá rất thấp, đặc biệt trong các dịch vụ lập dự án, thiết kế các dự án, công trình không có yêu cầu kỹ thuật cao với sự tham gia của rất nhiều công ty mới.
- Trước rủi ro cạnh tranh ngày càng cao, Công ty đặt mục tiêu về chất lượng lên hàng đầu, đồng thời tối ưu hóa chi phí nhằm tăng lợi thế với các đơn vị cùng ngành.

RỦI RO GIÁ:

- Ngành môi trường cạnh tranh được xem như ngành đặc thù dưới sự hỗ trợ của nhà nước. Vì vậy, Công ty phụ thuộc rất nhiều vào giá đầu ra do nhà nước quyết định. Tuy nhiên, giá nguyên vật liệu đầu vào ngày một tăng, cùng với chi phí nhân công tăng cao. Điều này đã kéo theo chi phí đầu vào tăng đã tác động trực tiếp đến doanh thu của Công ty.
- Thấy được những rủi ro trên, Công ty đề ra những kế hoạch kinh doanh phù hợp, đa dạng hóa dịch vụ nhằm tối ưu hóa lợi nhuận.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
- TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ
- TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN
- TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
- CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU
- BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

➤ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM:

Trong năm 2021, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn trong điều kiện dịch bệnh Covid-19 bùng phát, vừa phòng chống dịch bệnh Covid-19, vừa đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định. Tổng doanh thu thực hiện đạt 200,112 tỷ đồng, tương đương 106% kế hoạch. Tổng doanh thu hợp nhất thực hiện đạt 314,843 tỷ đồng, tăng 204% so với năm liền kề trước đó.

Công ty đã mở rộng địa bàn hoạt động thực hiện các gói thầu dịch vụ sự nghiệp công ích năm 2021 ra các huyện Tư Nghĩa, Nghĩa Hành và thị xã Đức Phổ. Thực hiện trang trí hoa Tết Nguyên đán Tân Sửu – 2021 theo hợp đồng với UBND thành phố Quảng Ngãi, huyện Tư Nghĩa, huyện Nghĩa Hành, được các Chủ đầu tư đánh giá rất cao.

➤ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH:

1. Tình hình thực hiện so với kế hoạch của Công ty mẹ:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020 (triệu đồng)	Năm 2021 (triệu đồng)	% Tăng (giảm) so với năm 2020
1	Doanh thu thuần	152.204	199.508	31,08%
2	Giá vốn hàng bán	114.283	157.945	38,21%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	1.962	582	-70,34%
4	Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	24.756	14.162	-42,79%
5	Lợi nhuận khác	-29	21	172,41%
6	Lợi nhuận trước thuế	24.728	14.183	-42,64%
7	Lợi nhuận sau thuế	21.253	11.015	-48,17%

Trong bối cảnh thị trường chung năm 2021 gặp nhiều khó khăn, Công ty chủ động thực hiện nhiều giải pháp phát huy các lợi thế, khắc phục khó khăn để duy trì hiệu quả sản xuất kinh doanh. Nhờ đó, kết quả hoạt động kinh doanh trong năm đạt được kết quả khả quan. Cụ thể, doanh thu thuần đạt 199,508 tỷ đồng, tăng 31,08% so với năm 2020. Bên cạnh đó, khối đại đoàn kết Công ty luôn duy trì, ý thức trong lao động được nâng cao, góp phần mang lại kết quả khả quan năm 2021.

2. Tình hình thực hiện theo báo cáo hợp nhất:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020 (triệu đồng)	Năm 2021 (triệu đồng)	% Tăng (giảm) so với năm 2020
1	Doanh thu thuần	152.204	312.307	105,19%
2	Giá vốn hàng bán	114.283	260.800	128,21%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	1.962	701	-64,27%
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	24.756	23.927	-3,35%
5	Lợi nhuận khác	-28.579	154.377	640,19%
6	Lợi nhuận trước thuế	24.728	24.082	-2,61%
7	Lợi nhuận sau thuế	21.253	18.833	-11,39%

Kết quả đạt được qua báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán như sau:

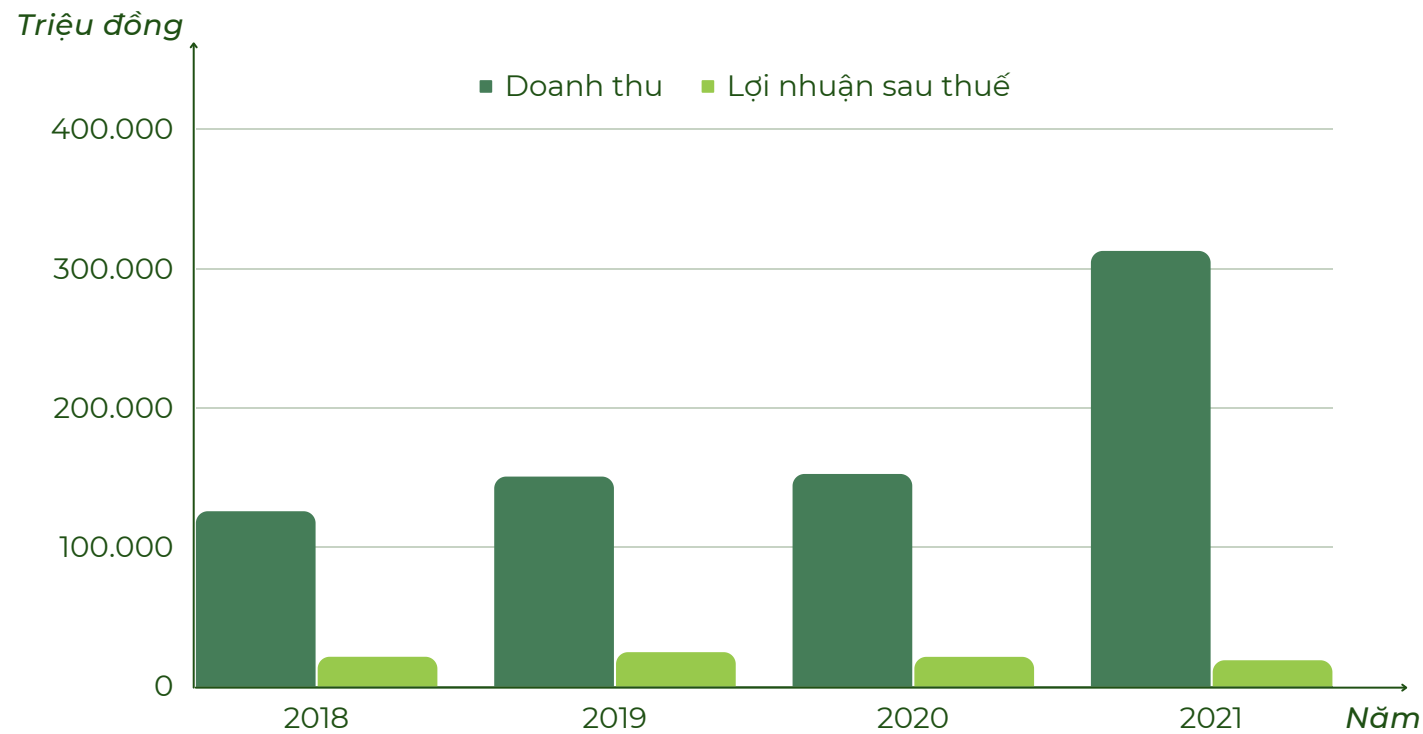
- ✓ Doanh thu thuần đạt 312,307 tỷ đồng, tăng 105,19% so với năm 2020.
- ✓ Lợi nhuận trước thuế đạt 24,082 tỷ đồng, giảm 2,61% so với năm 2020 vì trong năm Công ty tăng các chi phí ủng hộ chính quyền địa phương chống Covid và cấp trang thiết bị, đồ bảo hộ cho người lao động Công ty trong quá trình sản xuất.

➤ CHI TIẾT DOANH THU THUẦN:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Công ty mẹ/Công ty con	Năm 2020	Năm 2021
1	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi	152.204	199.492
2	Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Việt Trì		112.815
	TỔNG CỘNG	152.204	312.307

➤ BIỂU ĐỒ THỂ HIỆN DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN QUA CÁC NĂM:



Doanh thu	125.447	150.328	152.204	312.307
Lợi nhuận sau thuế	21.297	24.598	21.253	18.833

Doanh thu thuần từ 2018 - 2021 có sự tăng trưởng đáng kể và bền vững, cụ thể năm 2018 (doanh thu đạt: 125,447 tỷ đồng), năm 2019 (doanh thu đạt: 150,328 tỷ đồng), năm 2020 (doanh thu đạt 152,204 tỷ đồng) và đến năm 2021 doanh thu đạt 312,307 tỷ đồng, tăng trưởng 105,19% so với cùng kỳ năm 2020. Để có sự tăng trưởng doanh thu như vậy là nhờ vào sự chỉ đạo kịp thời về chủ trương, định hướng của HĐQT, sự nhạy bén của Ban Tổng Giám đốc Công ty và sự nỗ lực, tinh thần đoàn kết của toàn thể người lao động trong Công ty. Công ty đã chủ động thực hiện nhiều giải pháp linh hoạt trong công tác điều hành, sản xuất kinh doanh, mở rộng địa bàn hoạt động... phát huy các lợi thế hiện có và khắc phục những khó khăn để đảm bảo sự tăng trưởng doanh thu qua các năm.

Lợi nhuận sau thuế qua các năm có sự tăng trưởng và duy trì ổn định. Tuy nhiên, 02 năm gần đây (2020 và 2021), Công ty đã chịu sự ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh Covid-19, thiên tai, bão lũ... Đặc thù của Công ty là thực hiện mảng dịch vụ công ích thường xuyên của thành phố, các huyện và thị xã. Do đó, sức khỏe người lao động là ưu tiên hàng đầu. Công ty đã tăng cường nhiều biện pháp phòng chống dịch, tốn nhiều chi phí như xét nghiệm PCR cho toàn thể người lao động nhiều lần; cấp trang thiết bị bảo hộ lao động đầy đủ. Đồng thời chung tay ủng hộ cùng với các đoàn thể, mặt trận Tổ quốc trong công tác phòng, chống dịch Covid 19 tại địa phương nên chi phí phát sinh nhiều, dẫn đến lợi nhuận mang lại từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong những năm gần đây không đạt như kế hoạch đã đề ra.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Ông LÊ ĐĂNG TRIỀU

- Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Năm sinh: 1981
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cầu hầm.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần sở hữu: 0%

Thời gian	Công việc/Chức vụ	Nơi làm việc
Từ 2005 đến 2010	Đội trưởng - Công ty Thi công cơ giới 1	Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông 1
Từ 2010 đến 12/2019	Phó Tổng Giám đốc	Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Trung Chính
Từ 2015 đến nay	Chủ tịch Hội đồng thành viên	Công ty TNHH Đầu tư, Thương mại và Xây dựng Đức Thịnh.
Từ 08/2018 đến 2/2019	Giám đốc	Công ty Cổ phần Môi trường xanh Quảng Ngãi
Từ 01/3/2019 đến 25/4/2019	Thành viên HĐQT, Giám đốc	Công ty Cổ phần Môi trường xanh Quảng Ngãi
Từ 26/4/2019 đến 3/6/2021	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Môi trường xanh Quảng Ngãi
Từ 11/2019 đến 12/2021	Thành viên HĐQT	Công ty CP Đầu tư Năng lượng, nông nghiệp chất lượng cao
Từ 01/2020 đến 9/2020	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Hợp Nghĩa.
Từ 02/2020 đến 12/2021	Thành viên HĐQT	Công ty CP Đầu tư Điện năng Ba Tư.
Từ 07/2020 đến 6/2021	Thành viên HĐQT	Công ty CP Đầu tư Điện năng Đức Phổ.
Từ 27/9/2020 đến 19/11/2020	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	Công ty CP Tổng Công ty Đầu tư Hợp Nghĩa
Từ 20/11/2020 đến nay	Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc	Công ty CP Tổng Công ty Đầu tư Hợp Nghĩa
Từ 15/12/2020 đến nay	Thành viên HĐQT	Công ty CP Môi trường Đô thị Quảng Ngãi
Từ 01/01/2021 đến nay	Chủ tịch HĐQT	Công ty CP Môi trường Đô thị Quảng Ngãi
Từ 15/12/2021 đến nay	Chủ tịch HĐQT	Công ty CP Môi trường Đô thị Quảng Ngãi

Bà NGUYỄN THỊ THU DUNG

- Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Năm sinh: 1989
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân luật Kinh doanh, Thạc sỹ luật Kinh tế.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần sở hữu: 0%

Thời gian	Công việc/Chức vụ	Nơi làm việc
Từ 2011 đến 2013	Nhân viên Tư vấn	Công ty Luật Hợp danh Phước Lý.
Từ 12/2013 đến 31/01/2014	Chuyên viên	Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.
Từ 01/2015 đến 09/2015	Chuyên viên	Phòng Thực quyền công tố và Kiểm sát xét xử các vụ án kinh tế, chức vụ, tham nhũng, an ninh, ma túy – Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi
Từ 10/2015 đến 3/2019	Kiểm sát viên	Viện thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm án hình sự - Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.
Từ 04/2019 đến 11/2019	Học khóa Tiếng Anh pháp lý	Trường Đại học Luật TP Hồ Chí Minh
Từ 12/2019 đến 02/2020	Tham gia chương trình thực tế tại Australia	
Từ 3/2020 đến 8/2020	Trợ lý Ban lãnh đạo	Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông 1
Từ 6/2020 đến 12/2021	Thành viên Hội đồng quản trị	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi
Từ 9/2020 đến nay	Phó Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi
Từ 01/01/2021 đến nay	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi

Ông TRẦN THANH MINH

- Thành viên Hội đồng quản trị
- Năm sinh: 1980
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật – Học viện Kiểm sát TP. HCM.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần sở hữu: 0%

Thời gian	Công việc/Chức vụ	Nơi làm việc
Từ 2005 đến 2010	Phó Giám đốc	Công ty CP Xây dựng và Thương mại Phúc Sinh.
Từ 2011 đến 2015	Tổng Giám đốc	Công ty CP Phúc Lộc Quảng Ngãi
Từ 2015 đến 2016	Tổng Giám đốc	Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO.
Từ 2016 đến 2017	Chủ tịch HĐQT	Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại Bình Minh Miền Trung
Từ 2017 đến 4/2019	Chủ tịch HĐQT	Công ty CP Đầu tư Phát triển Hợp Nghĩa.
Từ 5/2019 đến nay	Thành viên Hội đồng Quản trị	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi.
Từ 15/12/2020 đến 31/12/2020	Chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi.

Ông VƯƠNG HÙNG VÂN

- Thành viên Hội đồng quản trị
- Năm sinh: 1980
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cầu đường - Cử nhân quản trị kinh doanh.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần sở hữu: 0%

Thời gian	Công việc/Chức vụ	Nơi làm việc
Năm 2003	Cán bộ kỹ thuật	Công ty Đầu tư Xây dựng và du lịch Dầu khí – Tịnh Phong – Sơn Tịnh – Quảng Ngãi.
Từ 2003 đến 2004	Chuyên viên Phòng Kế hoạch – Tài chính	Ban Quản lý KCN Dung Quất.
Từ 2004 đến 2007	Cán bộ quản lý đầu tư	Ban quản lý các dự án Nông Lâm nghiệp Dung Quất – BQL Khu Kinh tế Dung Quất.
Từ 2007 đến 2011	Phó phụ trách Phòng Kỹ thuật điều độ - Trưởng phòng Kế hoạch tổng hợp	Công ty TNHH MTV Xây dựng Công trình Dung Quất.
Từ 2011 đến 2013	Trưởng phòng Kinh tế - Kỹ thuật	Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung CN Quảng Ngãi – Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Việt Nam

Thời gian	Công việc/Chức vụ	Nơi làm việc
Từ 2013 đến 2015	Trợ lý Tổng Giám đốc; Trưởng phòng Kế hoạch kỹ thuật	Công ty Cổ phần Phúc Lộc Quảng Ngãi
Từ 2015 đến 2016	Giám đốc	Công ty Cổ phần tư vấn Xây dựng Đông Thuận Phát
Từ 2016 đến 2018	Thành viên HĐQT; Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hợp Nghĩa
Từ 2017 đến 2019	Chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Môi trường Xanh Quảng Ngãi
Từ 2018 đến 7/2021	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Đầu tư Rạng Đông Quảng Ngãi.
Từ 2019 đến 12/2020	Chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi
Từ 12/2020 đến nay	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi
Từ 12/2020 đến 7/2021	Tổng giám đốc	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi
Từ 7/2021	Phó Chủ tịch HĐQT	Công ty cổ phần Tổng công ty đầu tư Hợp Nghĩa

Ông ĐOÀN NHẬT LINH

- Thành viên Hội đồng quản trị
- Năm sinh: 1984
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư – Cấp thoát nước – Môi trường nước, Thạc sĩ – Quản lý Kinh tế.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần sở hữu: 0,0036%

Thời gian	Công việc/Chức vụ	Nơi làm việc
Từ 2009 đến 2014	Nhân viên phòng Kỹ thuật và Quản lý nhà	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi.
Từ 2015 đến 2016	Phó Giám đốc Xí nghiệp Môi trường	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi.
Từ 2016 đến 2020	Giám đốc Xí nghiệp Môi trường	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi.
Từ 4/2020 đến nay	Phó Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi.
Từ 6/2020 đến nay	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi.

Ông HỒ TẤN HÓA

- Thành viên Hội đồng quản trị
- Năm sinh: 1971
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng dân dụng và công nghiệp.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần sở hữu: 0,11%

Thời gian	Công việc/Chức vụ	Nơi làm việc
Từ 1998 đến 1999	Cán bộ kỹ thuật	Công ty Công trình đô thị xã Quảng Ngãi.
Từ 1999 đến 2001	Cán bộ kỹ thuật	Ban QLDA Thủy lợi – Sở Nông nghiệp PTNT.
Từ 2001 đến 2002	Cán bộ kỹ thuật	Công ty Xây dựng số 1 – COFICO
Từ 2002 đến 2003	Tổ trưởng Detail	Xí nghiệp Bê tông Phú Mỹ Hưng (TP HCM).
Từ 2003 đến 2005	Cán bộ kỹ thuật – Phòng Kế hoạch – Vật tư – Kỹ thuật – Quản lý nhà	Công ty Môi trường Đô thị Quảng Ngãi.
Từ 2005 đến 2010	Trưởng phòng – Phòng Kỹ thuật Quản lý nhà	Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Quảng Ngãi.
Từ 2010 đến 2014	Trưởng/ Phó phòng Kỹ thuật – Quản lý Nhà; Thành viên Ban kiểm soát	Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Quảng Ngãi.
Từ 2015 đến 2020	Trưởng phòng Kinh tế - Kỹ thuật	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi.
Từ 6/2020 đến nay	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi.
Từ 01/2021 đến nay	Phó Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi.

Ông TRƯƠNG MINH PHƯƠNG

- Thành viên Hội đồng quản trị
- Năm sinh: 1979
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần sở hữu: 0,049%

Thời gian	Công việc/Chức vụ	Nơi làm việc
Từ 4/2005 đến 4/2007	Nhân viên phòng Tổ chức – Hành chính	Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Dung Quất.
Từ 5/2007 đến 9/2019	Nhân viên phòng Tổ chức – Hành chính	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi
Từ 10/2019 đến 01/2020	Phó Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi
Từ tháng 01/2020 đến 8/2021	Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi
Từ 6/2020 đến nay	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi
Từ 9/2021 đến nay	Chánh Văn phòng	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi



➤ DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH:

🌿 Ông BÙI VĂN QUANG

- Tổng Giám đốc
- Năm sinh: 1979
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cầu đường; cử nhân quản trị kinh doanh.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần sở hữu: 0%

Thời gian	Công việc/Chức vụ	Nơi làm việc
Từ 2002 đến 2003	Kỹ thuật công trường	Công ty Xây dựng công trình giao thông 515 - thuộc Tổng Công ty XDCT Giao thông 5 (CIENCO 5)
Từ 2003 đến 2008	Phó Trưởng phòng kỹ thuật	Công ty PHTT các KCN Quảng Ngãi – thuộc Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi
Từ 2008 đến 2013	Trưởng phòng dự án tại Quảng Ngãi	Công ty CP Đầu tư Khu Du lịch Phim trường Vina – thuộc Tập đoàn Tân Tạo (TP HCM)
Từ 2013 đến 2017	Phó Tổng Giám đốc	Công ty CP Phúc Lộc Quảng Ngãi – thuộc Tập đoàn Phúc Lộc (Ninh Bình)
Từ 2017 đến 2018	Phó Giám đốc	Công ty CP Thương mại và Xây lắp Lê Phan
Từ 2018 đến 2019	Trưởng ban Phát triển quỹ đất dự án Bất động sản	Công ty CP Đất Xanh Quảng Ngãi – thuộc Công ty CP Đất Xanh Miền Trung (Đà Nẵng)
Từ 2020 đến 6/2021	Tổng Giám đốc	Công ty CP Xây dựng kinh doanh BĐS Đại Nghĩa
Từ 7/2021 đến nay	Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi

🌿 Ông ĐOÀN NHẬT LINH

- Phó Tổng Giám đốc
(thông tin như mục DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ)

🌿 Ông HỒ TẤN HÓA

- Phó Tổng Giám đốc
(thông tin như mục DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ)

🌿 Ông NGUYỄN THỊ THU DUNG

- Phó Tổng Giám đốc
(thông tin như mục DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ)

🌿 Bà TRẦN THỊ THANH NGA

- Phó Tổng Giám đốc
- Năm sinh: 1988
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần sở hữu: 10%

Thời gian	Công việc/Chức vụ	Nơi làm việc
Từ 4/2016 đến 7/2018	Thành viên Hội đồng quản trị	Công ty Cổ phần Tư vấn Kiểm định Thanh Long.
Từ 4/2017 đến 9/2020	Thành viên Hội đồng quản trị	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hợp Nghĩa.
Từ 12/2017 đến 01/2021	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Petro Dung Quất.
Từ 11/2018 đến 8/2020	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Công ty Cổ phần Thiết bị cơ giới và Khai thác Khoáng sản Hợp Nghĩa.
Từ 3/2019 đến 9/2020	Phó Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hợp Nghĩa.
Từ ngày 01/10/2020 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị	Công ty Cổ phần Tổng Công ty Đầu tư Hợp Nghĩa.
Từ 01/2021 đến nay	Phó Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi.
Từ 6/2021 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Tổng Công ty Đầu tư Hợp Nghĩa
Từ 6/2021 đến nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hợp Nghĩa (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Hưng)

Ông PHẠM TẤN VŨ

- Phó Tổng Giám đốc
- Năm sinh: 1981
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Lâm nghiệp.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần sở hữu: 0,22%

Thời gian	Công việc/Chức vụ	Nơi làm việc
Từ 02/2006 đến 10/2006	Cán bộ kỹ thuật	Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Quảng Ngãi.
Từ 11/2006 đến 12/2011	Đội phó Đội ươm cây xanh	Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Quảng Ngãi.
Từ 01/2012 đến 5/2015	Phó Giám đốc Xí nghiệp Công viên – Cây xanh	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi.
Từ 6/2015 đến 12/2020	Giám đốc Xí nghiệp Công viên – Cây xanh	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi.
Từ 02/2021 đến nay	Phó Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi.

Ông VÕ VĂN HƯNG

- Kế toán trưởng
- Năm sinh: 1981
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần sở hữu: 0%

Thời gian	Công việc/Chức vụ	Nơi làm việc
Từ 3/2007 đến 3/2009	Hành chính, Kế toán Đội xây lắp 1	Công ty Cổ phần Phát triển CSHT Quảng Ngãi.
Từ 01/2010 đến 7/2014	Kế toán tổng hợp	Công ty Cổ phần Hiệp Phát
Từ 8/2014 đến 12/2019	Kế toán trưởng	Công ty Cổ phần Hiệp Phát
Từ 01/2020 đến 12/2020	Phụ trách Kế toán tại Xí nghiệp Điện và Hạ tầng	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi.
Từ 01/2021 đến 02/2021	Phó Trưởng phòng, phụ trách Phòng Kế toán	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi.
Từ 3/2021 đến nay	Kế toán trưởng	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi.

DANH SÁCH BAN KIỂM SOÁT:

Bà PHẠM THỊ BÍCH LAI

- Trưởng Ban kiểm soát
- Năm sinh: 1983
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần sở hữu: 0%

Thời gian	Công việc/Chức vụ	Nơi làm việc
Từ 2004 đến 2013	Nhân viên Kế toán	Công ty TNHH xây lắp Quyết Thắng
Từ 2013 đến 5/2019	Kế toán trưởng	Công ty cổ phần Phúc Lộc Quảng Ngãi
Từ 5/2019 đến nay	Từ 5/2019 đến nay	Công ty cổ phần Môi trường đô thị Quảng Ngãi

Bà NGUYỄN THỊ ANH TUYẾN

- Thành viên Ban kiểm soát
- Năm sinh: 1983
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân cao đẳng ngành công nghệ môi trường, Cử nhân kinh tế ngành quản trị kinh doanh.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần sở hữu: 0,08%

Thời gian	Công việc/Chức vụ	Nơi làm việc
Từ 2005 đến 2012	Nhân viên Phòng kinh doanh	Công ty cổ phần Môi trường đô thị Quảng Ngãi.
Từ 2012 đến 2016	Phó Phòng kinh doanh	Công ty cổ phần Môi trường đô thị Quảng Ngãi.
Từ 2017 đến 2019	Trưởng Phòng kinh doanh	Công ty cổ phần Môi trường đô thị Quảng Ngãi.
Từ 2019 đến nay	Trưởng phòng Vật tư kinh doanh, Thành viên Ban kiểm soát	Công ty cổ phần Môi trường đô thị Quảng Ngãi.

Ông PHẠM ĐỨC CƯỜNG

- Thành viên Ban kiểm soát
- Năm sinh: 1983
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng Dân dụng & Công nghiệp.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần sở hữu: 0,024%

Thời gian	Công việc/Chức vụ	Nơi làm việc
Từ 2000 đến 2003	Nhân viên phòng Kỹ thuật	Công ty Cổ phần Xây dựng đô thị & KCN.

Thời gian	Công việc/Chức vụ	Nơi làm việc
Từ 2003 đến 02/2008	Chuyên viên thiết kế kết cấu và lập dự toán	TT tư vấn địa chất mỏ - Tổng Công ty xây dựng miền Trung.
Từ 3/2008 đến 12/2011	Chuyên viên phòng kỹ thuật	BQL DA CTMTĐTMT - Tiểu dự án Quảng Ngãi.
Từ 01/2012 đến 9/2019	Chuyên viên phòng kinh tế - Kỹ thuật	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi.
Từ 10/2019 đến 12/2019	Phó Trưởng phòng Kinh tế - Kỹ thuật	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi.
Từ 01/2020 đến 21/12/2020	Phó Giám đốc Xí nghiệp	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi.
Từ 22/12/2020 đến nay	Giám đốc Xí nghiệp Môi trường	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi.

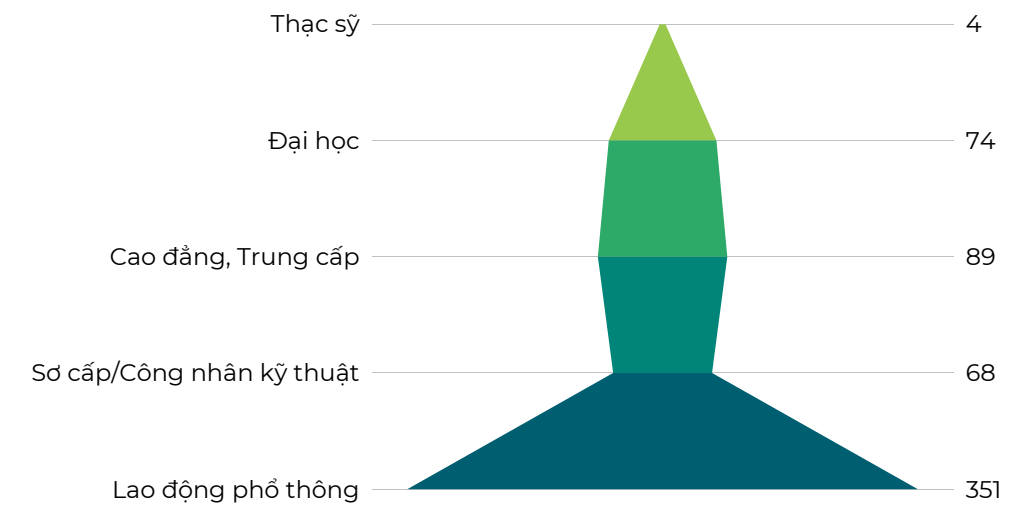
➤ NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH:

ST T	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Ghi chú
1	Bùi Văn Quang	Tổng Giám đốc	07/7/2021		
2	Vương Hùng Vân	Tổng Giám đốc	01/12/2020	07/07/2021	
3	Nguyễn Thị Thu Dung	Phó TGD	01/9/2020		
4	Đoàn Nhật Linh	Phó TGD	30/11/2020		
5	Hồ Tấn Hoá	Phó TGD	01/01/2021		
6	Trần Thị Thanh Nga	Phó TGD	01/01/2021		
7	Phạm Tấn Vũ	Phó TGD	08/02/2021		
8	Võ Văn Hưng	Kế toán trưởng	08/3/2021		

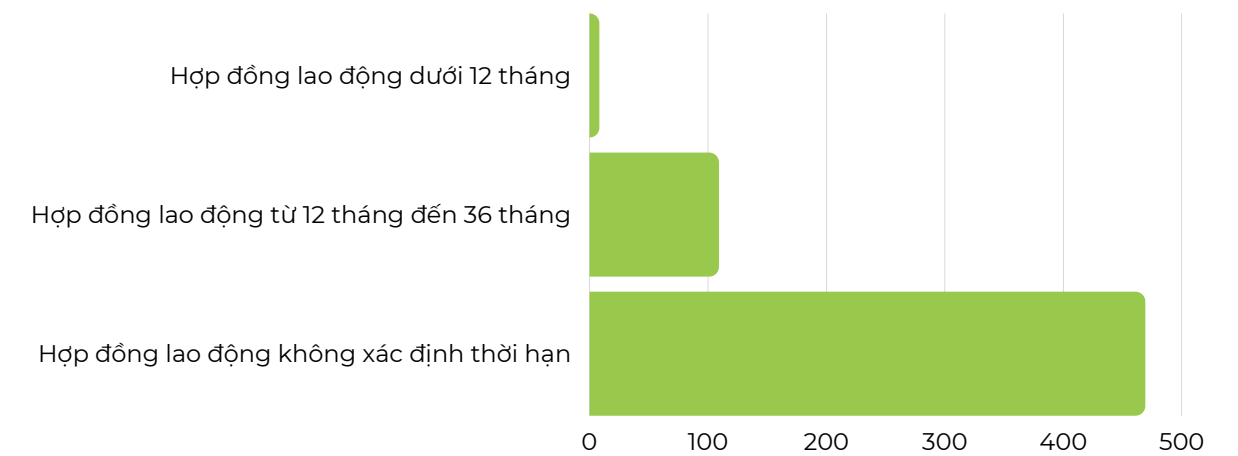
➤ SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG VÀ CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ:

TỔNG SỐ LAO ĐỘNG TÍNH ĐẾN NGÀY 31/12/2021 LÀ 586 LAO ĐỘNG.

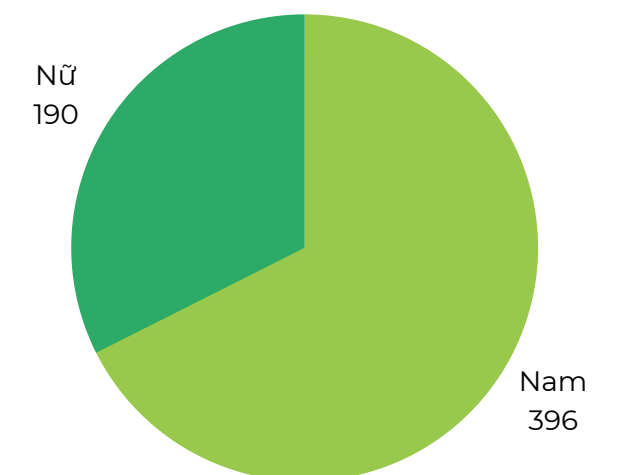
• PHÂN LOẠI LAO ĐỘNG THEO TRÌNH ĐỘ



• PHÂN LOẠI LAO ĐỘNG THEO HỢP ĐỒNG



• PHÂN LOẠI LAO ĐỘNG THEO GIỚI TÍNH



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

➤ TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ:

- Công ty thực hiện việc đầu tư mua sắm xe máy thiết bị với tổng giá trị là 11.051.410.000 đồng (Mười một tỷ, năm mươi mốt triệu, bốn trăm mười nghìn đồng). Trong đó có 11 xe ép rác chuyên dùng (có 05 xe mới và 06 xe đã qua sử dụng) và 02 xe ô tô phục vụ Văn phòng Công ty (01 xe mới và 01 xe cũ) trị giá 1.775.782.000 đồng.
- Tiếp tục khảo sát và thực hiện hồ sơ pháp lý ban đầu đối với các dự án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Trong năm 2021, Công ty đã đầu tư mua cổ phần tại Công ty cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Việt Trì với tổng 60.897.463.664 (Sáu mươi tỷ, tám trăm chín mươi bảy triệu, bốn trăm sáu mươi ba nghìn, sáu trăm sáu mươi bốn đồng), tương đương 5.345.560 cổ phiếu nâng tỷ lệ sở hữu của Công ty lên 95,74% vốn điều lệ Công ty Việt Trì.

➤ CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT:

1. Công ty CP Môi trường và Dịch vụ Đô thị Việt Trì:

Đầu tư vào Công ty con	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	Giá trị đầu tư gốc
Công ty CP Môi trường và Dịch vụ Đô thị Việt Trì	Đang hoạt động	95,74%	5.345.560	60.897.463.664
CỘNG				60.897.463.664

Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Việt Trì được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2600116056 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp ngày 23/5/2006. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 07 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 07/07/2021. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 55.831.402.403 đồng; vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2021: 55.831.402.403 đồng.

Ngành nghề kinh doanh: Dịch vụ công ích; Thu gom rác thải; dịch vụ phục vụ tang lễ; Xử lý và tiêu hủy rác thải; Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan; xây dựng công trình; kinh doanh bất động sản; khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng...

Tổng số lao động hiện có đến ngày 31/12/2021 là 456 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 51 người.

Tình hình tài chính Công ty CP Môi trường và Dịch vụ Đô thị Việt Trì

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	41.277.150.909	84.552.830.554	104,8%
Doanh thu thuần	79.437.970.183	119.026.340.180	49,8%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(1.980.645.788)	(1.172.370.600)	-40,8%
Lợi nhuận khác	(54.981.741)	1.425.592.142	-2692,8%
Lợi nhuận trước thuế	(2.035.627.529)	253.221.542	-112,4%
Lợi nhuận sau thuế	(2.035.627.529)	253.221.542	-112,4%

2. Công ty cổ phần Xử lý Rác tổng hợp Quảng Ngãi:

Ngày 04/6/2021, HĐQT đã ban hành Nghị quyết số 09/NQ-HĐQT về việc góp vốn thành lập Công ty cổ phần Xử lý Rác tổng hợp Quảng Ngãi và cử người đại diện phần vốn góp. Theo đó, giá trị góp vốn lần đầu của Công ty tại Công ty Xử lý Rác là 5.000.000.000 (Năm tỷ đồng). Hiện tại Công ty chưa phát sinh hoạt động và chi phí.

➤ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH:

1. Tình hình tài chính hợp nhất:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	171.522.157.792	274.132.413.924	59,82%
Doanh thu thuần	152.203.954.593	312.307.318.473	105,19%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	24.756.314.939	23.927.266.753	-3,35%
Lợi nhuận khác	-28.578.517	154.376.981	640,19%
Lợi nhuận trước thuế	24.727.736.422	24.081.643.734	-2,61%
Lợi nhuận sau thuế	21.253.244.067	18.833.466.882	-11,39%

2. Các chỉ tiêu tài chính hợp nhất chủ yếu:

Đầu tư vào Công ty con	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	7,02	2,60
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	6,47	2,42
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	19,60	32,88
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	24,37	48,98
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	17,92	24,77
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,92	1,40
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	13,96	6,03
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	16,38	11,70
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	12,86	8,45
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	16,27	7,66

➤ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU:

1. Cổ phần:

Tổng số cổ phiếu đã phát hành:

✓ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 4.709.886 cổ phiếu

✓ Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

2. Cơ cấu cổ đông:

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu(%)
I	CỔ ĐÔNG NHÀ NƯỚC	-	-	-
II	CỔ ĐÔNG LỚN			
	Trong nước	3.281.324	32.813.240	70
	Nước ngoài	-	-	-
III	CỔ ĐÔNG KHÁC			
	Trong nước	1.428.562	14.285.620	30
	Nước ngoài	-	-	-
	TỔNG CỘNG	4.709.886	47.098.860	100

Công ty tăng vốn từ 30.603.530.000 đồng lên 47.098.860.000 đồng từ việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ năm 2021 và phát hành cổ phiếu để trả cổ tức để trả cổ tức năm 2020.

4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

5. Các chứng khoán khác: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

6.1 Tác động lên môi trường:

Công ty luôn chú trọng trong công tác bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, việc truyền thông nội bộ cũng được thực hiện thường xuyên nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của

người lao động. Hoạt động tiêu thụ năng lượng của các đơn vị đều tuân thủ theo đúng tiêu chuẩn và định mức năng lượng cần thiết để hệ thống vận hành hiệu quả.

6.2 Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Hiện nay các phương tiện của Công ty chủ yếu tập trung là xe chuyên dùng vận chuyển rác phục vụ hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý rác; xe cẩu, xe nâng,... với nguồn nhiên liệu chủ yếu là xăng, dầu phục vụ kinh doanh hàng ngày và dầu nhớt dùng để bảo dưỡng định kỳ. Công ty đã ký kết hợp đồng với các đơn vị kinh doanh xăng dầu có hệ thống quản lý chuyên nghiệp như: Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Petro Dung Quất, Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV Oil miền Trung tại Quảng Ngãi,... Lượng khí thải sau khi động cơ tiêu thụ nhiên liệu thải ra môi trường đảm bảo đúng tiêu chuẩn quy định và được các cơ quan đăng kiểm thực hiện kiểm định định kỳ. Hiện tại các phương tiện xe, máy kinh doanh của Công ty đang sử dụng nguồn nhiên liệu để vận hành là: Xăng A92-E5 hoặc A95.

6.3 Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Công ty làm tốt công tác quản lý, vận hành hệ thống điện chiếu sáng công cộng trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi và các huyện theo đúng phương án được Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất thành phố Quảng Ngãi phê duyệt; luôn có kế hoạch tiết giảm hợp lý theo từng khu vực và thời gian, đảm bảo an toàn cho hoạt động của người dân và đảm bảo mỹ quan đô thị, đồng thời tiết kiệm chi phí từ ngân sách cho địa phương.

Cải thiện các chính sách phát triển bền vững thông qua các hoạt động tiết kiệm năng lượng. Công ty đã mục tiêu hóa và đã triển khai thành các chỉ tiêu thực hiện cho nhiều năm qua với nhiều hiệu quả.

Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày, Công ty luôn quán triệt đến người lao động, nêu cao ý thức, trách nhiệm trong việc sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả nguồn năng lượng; đầu tư lựa chọn thiết bị hiện đại, tiêu hao ít năng lượng, thay thế dần các thiết bị lạc hậu, kém hiệu quả, từ đó đã góp phần giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất, chất lượng công việc và sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả nguồn năng lượng.

6.4 Tiêu thụ nước:

Nguồn nước của Công ty chủ yếu đến từ nước máy, ao hồ và nước giếng. Công ty sử dụng nước trong các hoạt động tưới tiêu, chăm sóc cây cảnh, vệ sinh đường phố, thi công công trình và phục vụ cho hoạt động hàng ngày của người lao động. Công ty luôn quan tâm sử dụng đúng, đủ lượng nước theo nhu cầu, không lãng phí nguồn tài nguyên nước. Trong những năm gần đây, biến đổi khí hậu diễn biến khó lường. Chính vì thế, Công ty luôn quan tâm thực hiện chính sách tiết kiệm nước, khuyến khích tập thể người lao động Công ty sử dụng hợp lý nguồn nước ngọt, tránh gây lãng phí nguồn tài nguyên này.

6.5 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

MQN luôn đặt mục tiêu phát triển bền vững cho môi trường, xã hội và cộng đồng song song với những mục tiêu phát triển kinh tế tại bất cứ dự án nào mà MQN đầu tư và triển

khai. Các dự án trên địa bàn đều được thực hiện với tiêu chí hài hòa với thiên nhiên và môi trường, tôn trọng và nâng tầm cảnh quan khu vực, thể hiện sự ý thức trong việc giữ gìn và bảo vệ môi trường. Ngoài mục tiêu lợi nhuận, Công ty xem việc giữ gìn môi trường, cảnh quan sạch sẽ là trọng yếu. Vì thế, MQN không ngừng nỗ lực cải thiện chất lượng dịch vụ nhằm đưa ra những giải pháp, hoạt động tốt nhất, góp phần giữ môi trường xanh, sạch, đẹp, tạo nên môi trường sống trong lành, thân thiện cho cộng đồng, kiến tạo sản phẩm xanh, không gian sống gần gũi với thiên nhiên, góp phần bảo vệ môi trường.

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

- Tổng số tiền bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

6.6 Chính sách liên quan đến người lao động:

6.6.1 Chính sách liên quan đến người lao động:

Năm 2021, MQN có 1.042 người lao động (trong đó Công ty mẹ là 586 người). Là đơn vị kinh doanh dịch vụ công ích, lực lượng lao động nam giới chiếm phần lớn trong cơ cấu lao động với 67,4%. Thu nhập bình quân năm 2021 của người lao động là 8,8 triệu đồng/người/tháng.

Lãnh đạo MQN luôn xác định chất lượng nguồn nhân lực là giá trị cốt lõi tạo nên sự thành công của doanh nghiệp. Việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực luôn được đặt lên hàng đầu. Vì tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp trong năm 2021 nên trong năm Công ty không tổ chức nhiều chương trình đào tạo, nâng cao kỹ năng, tay nghề cho người lao động. Tuy nhiên, Công ty thường xuyên phối hợp với các đơn vị chức năng tổ chức đào tạo an toàn môi trường, an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy, sự cố phát sinh khác. Đối tượng tham gia không chỉ bộ phận lao động trực tiếp, người lao động khối Văn phòng cũng được tham gia các lớp huấn luyện, các khóa học chuyên môn để nâng cao hiệu quả công việc.

6.6.2 Chính sách đãi ngộ, phúc lợi:

Ở MQN, người lao động không chỉ nhận lương hàng tháng, lương tháng lương thứ 13 mà còn được hưởng nhiều chính sách, chế độ khác. Điển hình như thưởng nóng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc hoặc có sáng kiến cải tiến, áp dụng thành công trong sản xuất. Nhờ vậy, người lao động luôn tận tâm, được phát huy hết khả năng sáng tạo nhằm nâng cao chất lượng hiệu quả công việc.

Đặc biệt, MQN luôn thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà nước đối với người lao động. Tất cả người lao động đều được tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm tai nạn lao động ... Công ty phối hợp với tổ chức Công đoàn cơ sở, xây dựng nhiều chương trình chăm lo, nâng cao đời sống tinh thần, vật chất cho người lao động. Các trường hợp người lao động có hoàn cảnh khó khăn, đau ốm hoặc người thân bị bệnh nặng luôn được kịp thời chia sẻ, thăm hỏi đồng thời có sự giúp đỡ, hỗ trợ về chi phí sinh hoạt và chữa trị.

Từ khi đại dịch Covid – 19 bùng phát đến nay, Công ty luôn chủ động thực hiện nhiều biện pháp phòng chống lây nhiễm, đặc biệt là đối với bộ phận người lao động thực hiện nhiệm vụ thu gom và xử lý rác có nguy cơ lây nhiễm Covid – 19 luôn được Ban Lãnh đạo Công ty quan tâm để đảm bảo người lao động được làm việc trong môi trường an toàn. Đồng thời tổ chức xét nghiệm PCR cho toàn thể người lao động khi cần thiết và kịp thời tiêm vắc xin trong thời gian sớm nhất.

Hưởng ứng chủ trương vừa chống dịch, vừa phát triển kinh tế của Chính phủ, MQN sẽ tiếp tục duy trì các biện pháp phòng dịch nghiêm ngặt, đồng thời đẩy mạnh sản xuất kinh doanh. Đây cũng là giải pháp then chốt để Công ty hoàn thành mục tiêu đề ra trong giai đoạn tới, qua đó tạo việc làm và thu nhập ổn định, thực hiện các chương trình phúc lợi tốt hơn cho người lao động.

6.6.3 Hoạt động ngoại khóa, văn hóa thể thao, đoàn thể:

Công ty luôn chú trọng, quan tâm xây dựng các tổ chức: Đảng, Đoàn thanh niên, Công đoàn và các tổ chức xã hội khác nhằm tạo môi trường sinh hoạt cho người lao động.

Công ty luôn duy trì, triển khai các hoạt động tham quan, nghỉ mát, team building, thể dục – thể thao. Tuy nhiên, năm 2021 để đảm bảo phòng chống dịch Covid – 19, các hoạt động này chỉ tổ chức ở quy mô nhỏ, đảm bảo điều kiện an toàn về phòng chống dịch.

6.7 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

MQN luôn thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp một cách thực chất với phương châm hòa hợp cùng phát triển. Điều đó thể hiện qua sự đóng góp ngày càng lớn cho ngân sách nhà nước hàng năm, giải quyết việc làm ổn định cho hàng trăm lao động, thực hiện tốt công tác an sinh xã hội và hàng loạt các chương trình từ thiện, chung tay vì cộng đồng có ý nghĩa.

Trong năm qua, Việt Nam đã phải đối phó với dịch bệnh, thiên tai, bão lũ gây ảnh hưởng tới nền kinh tế đất nước cũng như tác động đến đời sống người dân. Với mong muốn chung tay cùng Chính phủ, các Bộ ngành và tỉnh Quảng Ngãi đối phó với sự lây lan của Đại dịch Covid – 19 và hưởng ứng lời kêu gọi “Toàn dân tham gia ủng hộ phòng, chống dịch Covid – 19”, Công ty đã mua sắm các trang thiết bị y tế để hỗ trợ kịp thời tới Quỹ cứu trợ của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi với kinh phí gần 1,5 tỷ đồng. Đồng thời, Công ty đã ủng hộ hơn 250 triệu đồng bằng tiền mặt chuyển tới Quỹ cứu trợ của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Quảng Ngãi, huyện Tư Nghĩa, huyện Nghĩa Hành và thị xã Đức Phổ.

Ngoài ra, Công ty cũng ủng hộ 100 triệu đồng chuyển tới Quỹ vì người nghèo của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Quảng Ngãi nhằm hỗ trợ người có hoàn cảnh khó khăn vượt qua đại dịch Covid – 19.



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
- TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
- NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ
- KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI
- BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY
- BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Mặc dù, Công ty gặp nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh do bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid – 19, nhưng doanh thu thực hiện năm 2021 đạt 106% so với kế hoạch, tăng 31,08% so với năm 2020. Với thế mạnh của một đơn vị hàng đầu tại tỉnh Quảng Ngãi về lĩnh vực thực hiện dịch vụ công ích đô thị, Công ty đã mở rộng địa bàn ra các địa phương lân cận như: Huyện Tư Nghĩa, huyện Nghĩa Hành và thị xã Đức Phổ. Ngoài ra, Công ty cũng đã tham gia vào hoạt động thi công xây dựng công trình cơ sở hạ tầng như: Xử lý rác, công viên cây xanh, điện chiếu sáng và đạt được những kết quả đáng ghi nhận.

Về lợi nhuận năm 2021, Công ty không đạt kế hoạch đề ra. Nguyên nhân chính do dịch bệnh Covid – 19 bùng phát làm phát sinh nhiều chi phí phòng chống dịch bệnh Covid-19; chi phí ủng hộ công tác phòng chống dịch Covid-19 trên địa bàn thị xã Đức Phổ, huyện Nghĩa Hành, huyện Tư Nghĩa; ủng hộ, tài trợ 5.000 Bộ test nhanh Covid-19 cho Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi. Bên cạnh đó, do biến động thị trường về giá cả vật tư, nhiên liệu tăng mạnh; số lao động tăng 65 người so với năm 2020; đầu tư thêm thiết bị xe máy phục vụ cho nhu cầu sản xuất tăng so với năm 2020 (11 xe ép rác và 02 xe ô tô).

➤ NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN, TỔN TẠI NĂM 2021:

1. THUẬN LỢI:

Công ty có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đang hoạt động; luôn có sự quan tâm và chỉ đạo kịp thời của HĐQT nên đã phát huy hết năng lực và thế mạnh sẵn có; Tập thể Ban Lãnh đạo và người lao động có sự đoàn kết nhất trí cao, tâm huyết vì mục tiêu phát triển chung của Công ty.

Cơ sở vật chất và các loại phương tiện chuyên dùng được trang bị tương đối đầy đủ, kịp thời phục vụ trên địa bàn thành phố, các huyện lân cận và mọi đối tượng khách hàng.

2. KHÓ KHĂN, TỔN TẠI:

Công tác vệ sinh môi trường: Vị trí đặt thùng rác loại 240 lít trên các tuyến đường đã được UBND Thành phố cho kẻ vạch sơn xác định vị trí. Tuy nhiên vẫn còn tình trạng một số thùng bị di chuyển khỏi vị trí đã quy định, gây mất mỹ quan đô thị ở một số tuyến đường. Ý thức bảo quản, sử dụng thùng rác, dụng cụ lao động và trang thiết bị chưa cao.

Công tác duy trì, chăm sóc cây xanh: Thời tiết nắng nóng làm các giếng nước phục vụ lấy nước tưới cây bị hụt nhiều, ảnh hưởng đến việc duy trì cây xanh, thảm cỏ. Vẫn còn tình trạng người dân vô ý thức buôn bán dẫm đạp thảm cỏ cũng như chặt phá, bứt tử cây xanh thường xuyên xảy ra; cơ quan quản lý của Nhà nước chưa có biện pháp hiệu quả. Việc thi công công trình cây xanh theo yêu cầu của Hợp đồng vào lúc thời tiết nắng nóng, làm cho việc chăm sóc cây cỏ khó khăn.

Công tác duy trì điện chiếu sáng và đèn tín hiệu giao thông: Hệ thống đèn chiếu sáng công cộng được phân bổ trên địa bàn rộng, đường liên thôn, liên xã nhiều, nhất là nhiều hẻm nhỏ; khối lượng đèn tắt, thiết bị hư hỏng lớn nên công tác kiểm tra, sửa chữa có lúc

chưa kịp thời. Khối lượng thực hiện duy tu sửa chữa phụ thuộc vào thực tế hư hỏng, khó xác định chính xác từ kế hoạch. Đối với các tuyến điện mới tiếp nhận, công tác khắc phục sự cố trong thời gian bảo hành của Chủ đầu tư còn chậm, làm ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ của Công ty.

Công tác đầu tư: các chính sách về pháp lý có nhiều thay đổi dẫn đến tiến độ thực hiện các Dự án bị ảnh hưởng, không đạt được theo kế hoạch đề ra.

➤ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT:

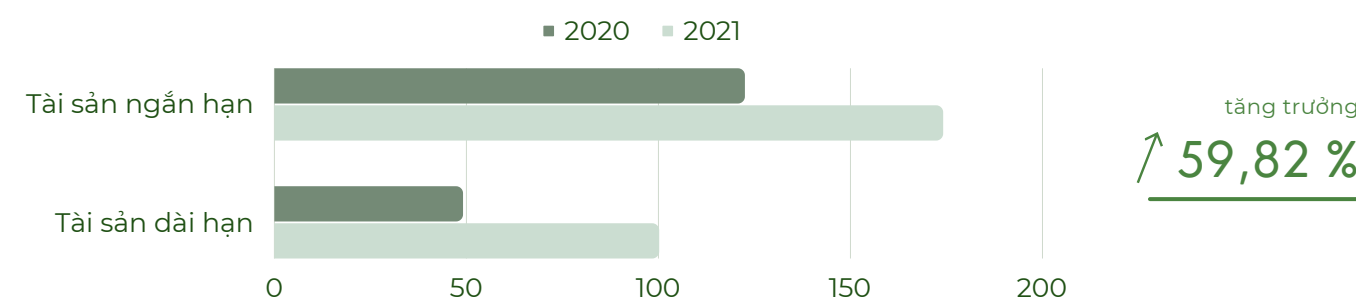
1. TÌNH HÌNH TÀI SẢN:

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% Tăng/ Giảm	Tỷ trọng năm 2020	Tỷ trọng năm 2021
Tài sản ngắn hạn	122.448	174.040	42,13%	71,39%	63,49%
Tài sản dài hạn	49.074	100.093	103,96%	28,61%	36,51%
Tổng tài sản	171.522	274.133	59,82%	100%	100%

TỔNG TÀI SẢN

Đơn vị: triệu đồng



Tổng tài sản năm 2021 đạt 274,133 tỷ đồng, tăng 59,82% so với năm 2020.

Trong đó:

✓ Tài sản ngắn hạn năm 2021 đạt 174,040 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 63,49% trên tổng tài sản, tăng 42,13% so với năm 2020. Cụ thể: Hàng tồn kho, phải thu ngắn hạn, tài sản ngắn hạn khác... năm 2021 tăng so với năm 2020.

✓ Tài sản dài hạn năm 2021 đạt 100,093 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 36,51% trên tổng tài sản, tăng 103,96% so với năm 2020, một mức tăng khá lớn cho thấy Công ty tập trung mạnh vào các mục tiêu tăng trưởng dài hạn. Cụ thể, trong năm Công ty đầu tư vào tài sản cố định (nguyên giá tài sản tăng 46,40% so với cùng kỳ năm trước) và các tài sản dài hạn khác.

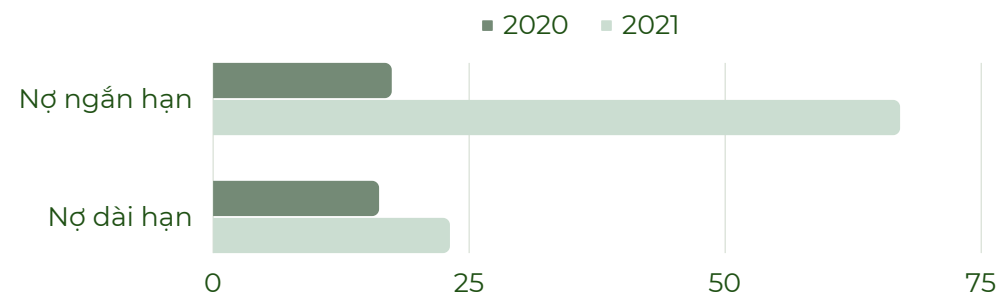
2. TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ:

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% Tăng/ Giảm	Tỷ trọng năm 2020	Tỷ trọng năm 2021
Nợ ngắn hạn	17.435	67.040	284,51%	51,87%	74,39%
Nợ dài hạn	16.178	23.084	42,69%	48,13%	25,61%
Tổng nợ phải trả	33.613	90.124	168,12%	100%	100%

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Đơn vị: triệu đồng



Trong năm 2021, tổng nợ phải trả tăng 168,12% so với năm 2020.

Trong đó:

- ✓ Nợ ngắn hạn tăng 284,51% so với năm 2020, chiếm tỷ trọng 74,39% trên tổng nợ phải trả. Cụ thể khoản phải trả người bán ngắn hạn, vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả tăng do vay mua xe ép rác chuyên dùng bằng nguồn vốn vay của Quỹ môi trường, phải trả người lao động đến thời điểm 31/12/2021, chi phí phải trả ngắn hạn tăng so với cùng kỳ năm trước.
- ✓ Nợ phải trả dài hạn của Công ty tăng 42,69% so với năm 2020, chiếm tỷ trọng 25,61% trong tổng nợ phải trả. Cụ thể năm 2021 Công ty có vay Quỹ môi trường để mua sắm xe ép rác chuyên dùng và tài sản cố định khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

➤ NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ:

Tiếp tục hoàn thiện, ban hành các quy chế nội bộ liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, làm cơ sở để đẩy mạnh hiệu quả quản lý doanh nghiệp và hiệu quả hoạt động kinh doanh. Trong đó, Công ty đã áp dụng Quy chế lương mới từ ngày 01/8/2021; Sửa đổi, bổ sung Quy chế thi đua khen thưởng và kỷ luật (đánh giá kết quả làm việc hàng tháng của người lao động theo tiêu chí A, B, C, D), khen thưởng kỷ luật hàng tháng, hàng quý, năm; Quy trình cung cấp vật tư; Quy trình sửa chữa xe máy, thiết bị; Quy trình và chế tài

xử phạt vi phạm về an toàn vệ sinh lao động,...

Ban Tổng Giám đốc liên tục triển khai đánh giá lại đội ngũ quản lý theo định kỳ, tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức từ bộ phận quản lý đến các bộ phận trực tiếp theo hướng tinh gọn, đảm bảo phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh.

Tăng cường công tác đào tạo bồi dưỡng trình độ kỹ thuật, tay nghề chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động; áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh và công tác điều hành, tuân thủ các nguyên tắc cơ bản, linh hoạt trong quá trình thực hiện.

Khen thưởng các cá nhân có thành tích xuất sắc trong công việc, góp phần mang lại lợi ích về kinh tế hoặc góp phần nâng cao hiệu quả công việc của bộ phận, nâng cao uy tín, hình ảnh công ty.

➤ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI:

Duy trì, giữ vững địa bàn hoạt động sản xuất kinh doanh hiện có và mở rộng địa bàn ra các địa phương trong tỉnh;

Khai thác máy móc, thiết bị hiện có một cách hiệu quả; xem xét đầu tư mới (nếu cần) để nâng cao năng lực cạnh tranh và mở rộng địa bàn, cũng như hướng đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ.

Tiếp tục hoàn thiện các thủ tục pháp lý xin đầu tư các dự án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tiếp tục tìm kiếm cơ hội đầu tư các dự án có hiệu quả, thuộc thế mạnh của Công ty.

Tiếp thị, tham gia các gói thầu thi công xây lắp thuộc lĩnh vực Môi trường, Cây xanh, Điện chiếu sáng, thu gom xử lý chất thải sinh hoạt, rác thải công nghiệp.

Tiếp tục hoàn thiện các thủ tục pháp lý xin đầu tư các dự án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua như Dự án Nghĩa trang An Điền Viên, Dự án Nghĩa trang An Lạc Viên, Dự án Trung tâm sản xuất tập trung rau an toàn và cây xanh cảnh quan môi trường đô thị và Dự án xây dựng Nhà máy xử lý chất thải rắn tại xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

➤ BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY:

MQN luôn đề cao ý thức bảo vệ môi trường và xem đây là mục tiêu phát triển bền vững của Công ty. Với thông điệp bảo vệ môi trường “ SÁNG – XANH – SẠCH – ĐẸP” đã minh chứng cho trách nhiệm xã hội của Công ty. Ban Lãnh đạo cùng toàn thể người lao động đã thực hiện chính sách sử dụng tiết kiệm nguồn năng lượng, bảo vệ môi trường cụ thể như hạn chế sử dụng máy in, máy photo, tiết kiệm điện, nước, phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin để tăng năng suất lao động.

Thường xuyên bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ các phương tiện xe máy, thiết bị kinh doanh đảm bảo phương tiện đạt tiêu chuẩn kinh doanh nhằm tránh các sự cố, hạn chế gây ô nhiễm môi trường.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY, TRONG ĐÓ CÓ ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI
- ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY
- CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

4



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY, TRONG ĐÓ CÓ ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Năm 2021 là một năm mà nền kinh tế thế giới gặp rất nhiều thách thức do tác động từ dịch Covid - 19, đối với các ngành kinh doanh dịch vụ nhất là dịch vụ công ích bị ảnh hưởng lớn do Chính phủ áp dụng các biện pháp “giãn cách xã hội” để phòng, chống dịch bệnh.

Mặc dù bị ảnh hưởng nghiêm trọng song Ban Lãnh đạo Công ty cùng tập thể người lao động đã cố gắng cùng chung tay nỗ lực vượt qua thử thách bằng mọi biện pháp như: Cắt giảm chi phí; đưa ra những biện pháp quản lý hiệu quả hơn nhằm nâng cao hiệu suất kinh doanh; triệt để tái cấu trúc hệ thống quản trị; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng. Đồng thời tạo điều kiện tối đa để người lao động có khoản thu nhập tương đối, yên tâm làm việc, đảm bảo cuộc sống gia đình.

Bên cạnh dịch bệnh thì Việt Nam là nước chịu tác động mạnh mẽ từ việc biến đổi khí hậu, thời tiết, bão, lũ,... diễn biến phức tạp, ảnh hưởng nặng nề đến sản xuất và đời sống xã hội. MQN luôn đề cao ý thức bảo vệ môi trường, đây không chỉ là nhiệm vụ của doanh nghiệp kinh doanh lĩnh vực dịch vụ công ích mà còn là hình ảnh thương hiệu MQN nói riêng. Trong quá trình xây dựng thương hiệu “SÁNG – XANH – SẠCH – ĐẸP”, Ban Lãnh đạo cùng toàn thể người lao động đã thực hiện chính sách sử dụng tiết kiệm nguồn năng lượng, bảo vệ môi trường. Đối với các phương tiện xe máy, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh thường xuyên bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ, đưa các phương tiện vào hoạt động đạt tiêu chuẩn nhằm tránh các sự cố, hạn chế thải khói độc gây ô nhiễm môi trường, gây ảnh hưởng đến môi trường cũng như hoạt động kinh doanh của Công ty.

Năm 2021 Công ty không vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường. Trong năm tới Công ty không ngừng nỗ lực, xây dựng và hoàn thiện công tác bảo vệ môi trường và xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm trong công tác bảo vệ môi trường theo đúng chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước để ra góp phần vào sự phát triển chung của đất nước.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

HĐQT đã kịp thời chỉ đạo, thường xuyên giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý, tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty tuân thủ theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trong năm 2021, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã sát sao trong công tác chỉ đạo điều hành đến từng phòng chuyên môn và xí nghiệp; nỗ lực tổ chức thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị; Có sự đoàn kết thống nhất cao của Ban điều hành trong quá trình thực thi công việc. Ban Tổng Giám

đốc Công ty đã có nhiều nỗ lực trong việc tổ chức triển khai các hoạt động kinh doanh, đồng thời thực hiện tốt công tác quản trị nội bộ, ghi nhận kết quả hoạt động với 200.112 tỷ đồng doanh thu, tương đương 106% kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thực hiện đúng và hiệu quả quy chế chi trả lương cho NLD, quy chế đánh giá hiệu quả công việc từng tháng, quý, năm của từng NLD theo các tiêu chí rõ ràng. Thực hiện tốt các chế độ bảo hiểm xã hội cho NLD.

Đặc biệt, với tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp nhưng Ban điều hành Công ty đã thực hiện tốt việc tuyên truyền cho người lao động tuân thủ 5K trong quá trình sản xuất kinh doanh, hạn chế đến mức thấp nhất các ca nhiễm tại Công ty. Đồng thời tổ chức xét nghiệm PCR cho toàn thể người lao động khi cần thiết và kịp thời tiêm vắc xin trong thời gian sớm nhất. Bên cạnh đó, Ban điều hành phản ứng kịp thời, triển khai nhiều giải pháp an toàn, phù hợp đảm bảo cho NLD tham gia công việc thu gom và xử lý rác thải có nguy cơ lây nhiễm từ dịch bệnh Covid-19 đúng quy trình, đảm bảo sức khỏe, hạn chế thấp nhất việc lây lan dịch bệnh cho NLD.

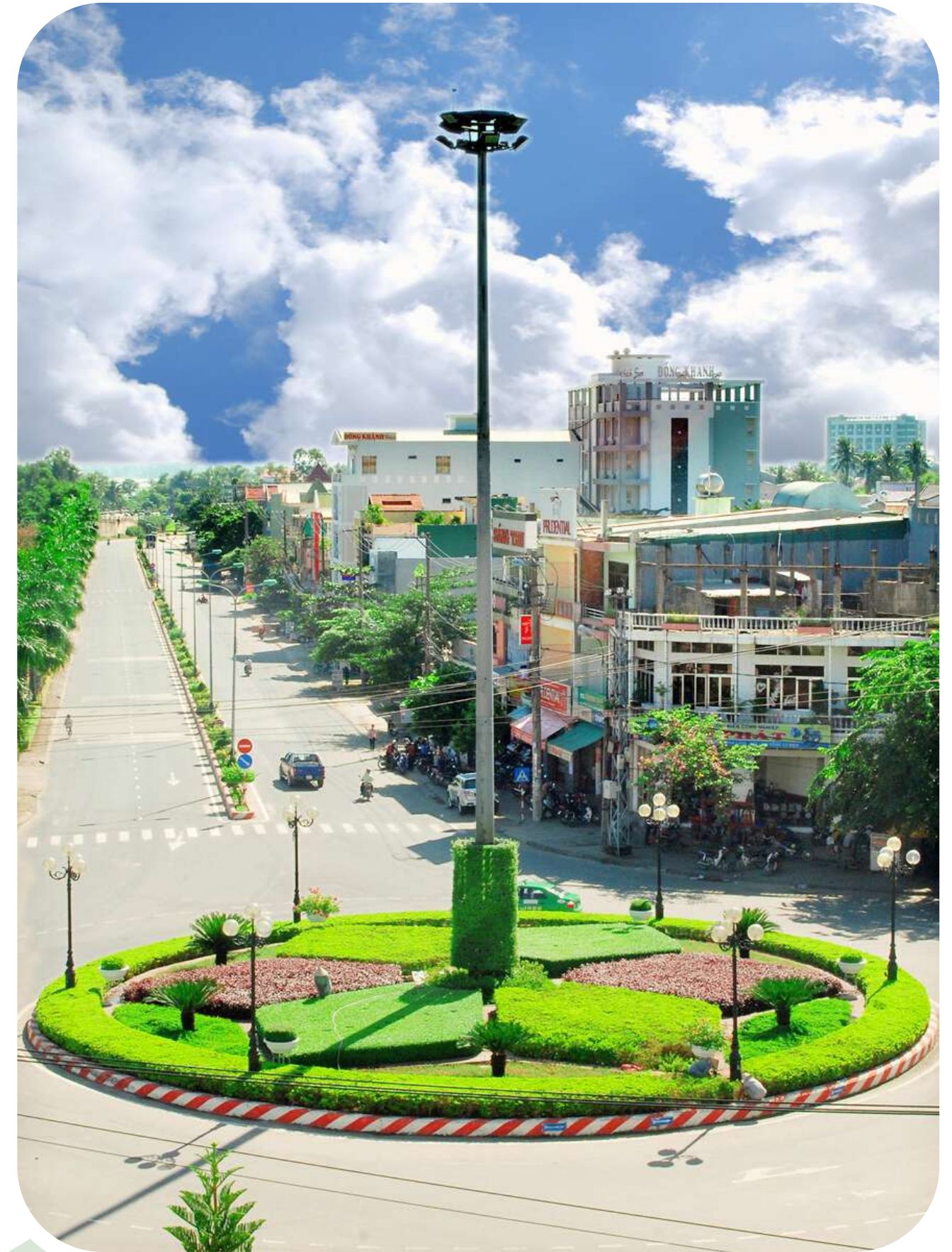
CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2022 được giới chuyên gia nhận định là năm đầy thử thách đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ. Để vượt qua thử thách này toàn thế giới sẽ phải chung tay đoàn kết vượt qua thách thức sau khi trải qua năm 2021 đầy khó khăn.

Từ những đánh giá, dự báo của nền kinh tế như trên, Hội đồng quản trị định hướng năm 2022 như sau:

- ✓ Trong thời gian tới, Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục tăng cường giám sát, song hành cùng Ban Tổng Giám đốc để thực hiện thành công các Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua. Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện quyết liệt nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án mà Công ty có tham gia đầu tư, góp vốn cũng như thực hiện các kế hoạch, giải pháp huy động vốn đầu tư đáp ứng nhu cầu vốn triển khai các dự án.
- ✓ Hoàn thiện bộ máy tổ chức theo hướng tinh gọn, tăng tính chủ động cho các đơn vị trực thuộc Công ty, luôn kịp thời bổ sung nhân sự trong Ban Tổng Giám đốc cùng với việc ủy quyền phù hợp, phân công cụ thể theo từng mảng công việc là yếu tố quan trọng thúc đẩy hoạt động kinh doanh của Công ty đạt được những kết quả khả quan và liên tục phát triển trong bối cảnh nền kinh tế nhiều khó khăn và biến động bất thường.
- ✓ Tiếp tục đẩy mạnh công tác quản trị: Rà soát, sửa đổi, bổ sung các Quy trình, Quy chế, nâng cao vai trò của các thành viên Hội đồng quản trị để xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh, nắm bắt được các cơ hội, ... qua đó từng bước nâng cao hơn nữa lợi ích của các cổ đông.
- ✓ Triển khai kế hoạch tổng thể đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn tiếp theo.

- ✓ Tiếp tục quyết liệt hơn trong công tác tái cấu trúc các khoản đầu tư theo hướng hiệu quả hơn, đúng theo chủ trương định hướng vào các lĩnh vực đã xác định ưu tiên trọng điểm. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát mọi hoạt động trong Công ty.
- ✓ Hội đồng quản trị quyết tâm thực hiện tốt những mục tiêu đặt ra, nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp trong Công ty, đẩy mạnh ứng dụng khoa học – công nghệ vào quản lý để nâng cao năng lực quản lý, điều hành, kiểm soát; nâng cao tính minh bạch, công khai trong công tác quản trị doanh nghiệp đưa MQN phát triển bền vững, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.
- ✓ Nâng cao thu nhập cho người lao động, tạo môi trường ổn định cho người lao động làm việc, đặc biệt trong giai đoạn diễn biến dịch bệnh như hiện nay.
- ✓ Đẩy mạnh các hoạt động từ thiện, tài trợ, đặc biệt trong bối cảnh tình hình kinh tế - xã hội phải trải qua nhiều bất ổn từ dịch bệnh, thiên tai, bão lũ.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- BAN KIỂM SOÁT
- CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

ES



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

1. THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

STT	THÀNH VIÊN	CHỨC VỤ	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN SỞ HỮU (CỔ PHẦN)	TỶ LỆ (%)
1	Lê Đăng Triều	Chủ tịch HĐQT		
2	Nguyễn Thị Thu Dung	Phó Chủ tịch HĐQT		
3	Trần Thanh Minh	Thành viên HĐQT		
4	Vương Hùng Vân	Thành viên HĐQT		
5	Đoàn Nhật Linh	Thành viên HĐQT	170	0,0036%
6	Hồ Tấn Hoá	Thành viên HĐQT	5.282	0,11%
7	Trương Minh Phương	Thành viên HĐQT	2.320	0,049%

2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban): *Không có*

3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

3.1 Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

STT	THÀNH VIÊN HĐQT	SỐ BUỔI HỌP HĐQT THAM DỰ	TỶ LỆ THAM DỰ HỌP	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ HỌP
1	Lê Đăng Triều	25/25	100%	
2	Nguyễn Thị Thu Dung	25/25	100%	
3	Trần Thanh Minh	24/25	96%	Đi công tác
4	Vương Hùng Vân	25/25	100%	
5	Đoàn Nhật Linh	25/25	100%	
6	Hồ Tấn Hoá	25/25	100%	
7	Trương Minh Phương	25/25	100%	

3.2 CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG	TỶ LỆ THÔNG QUA
1	01/NQ-HĐQT	07/02/2021	Mua cổ phần của Công ty CP Môi trường và Dịch vụ Đô thị Việt Trì	100%
2	02/NQ-HĐQT	07/02/2021	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc	100%
3	03/NQ-HĐQT	08/3/2021	Bổ nhiệm Kế toán trưởng	100%
4	04/NQ-HĐQT	10/3/2021	Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	100%
5	05/NQ-HĐQT	29/3/2021	Đăng ký lưu ký và đăng ký giao dịch bổ sung 01 triệu cổ phiếu	100%
6	05A/NQ-HĐQT	30/3/2021	Đầu tư mua sắm 07 xe ép rác chuyên dùng	100%
7	06/NQ-HĐQT	02/4/2021	Đăng ký tăng vốn điều lệ Công ty sau khi kết thúc chào bán cổ phần riêng lẻ	100%
8	08/NQ-HĐQT	03/5/2021	Phân công nhiệm vụ thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	100%
9	09/NQ-HĐQT	04/6/2021	Nghị quyết góp vốn thành lập Công ty CP Xử lý rác tổng hợp Quảng Ngãi	100%
10	10/NQ-HĐQT	14/6/2021	Mua cổ phần trong đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ của Công ty CP Môi trường và Dịch vụ Đô thị Việt Trì	100%
11	11/NQ-HĐQT	29/6/2021	Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020	100%
12	12/NQ-HĐQT	07/7/2021	Miễn nhiệm Tổng Giám đốc	100%
13	14/NQ-HĐQT	07/7/2021	Tiếp nhận và bổ nhiệm Tổng Giám đốc	100%
14	15/NQ-HĐQT	19/7/2021	Thông qua hợp đồng, giao dịch với người liên quan	100%
15	17/NQ-HĐQT	28/7/2021	Lựa chọn ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2020	100%

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG	TỶ LỆ THÔNG QUA
16	18/NQ-HĐQT	29/7/2021	Thông qua Tờ trình số 15/TTr-CTMTĐT ngày 28/7/2021 của Ban Tổng Giám đốc Công ty	100%
17	19/NQ-HĐQT	30/8/2021	Tổ chức lại Văn phòng Công ty và phòng Tổ chức – Hành chính	100%
18	20/NQ-HĐQT	10/9/2021	Thay đổi vốn điều lệ Công ty sau khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020	100%
19	21/NQ-HĐQT	28/9/2021	Giải thể phòng Cơ giới	100%
20	22/NQ-HĐQT	28/9/2021	Thống nhất bán thanh lý tài sản cố định xe ô tô tải, biển số 76C-102.56	100%
21	23/NQ-HĐQT	21/12/2021	Thông qua hợp đồng, giao dịch với người có liên quan	100%

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG	TỶ LỆ THÔNG QUA
1	01/QĐ-HĐQT	02/01/2022	Phân công nhiệm vụ Thành viên HĐQT	100%
2	01A/QĐ-HĐQT	02/01/2022	Ban hành Quy chế người đại diện vốn Công ty tại các Doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty CP Môi trường Đô thị Quảng Ngãi	100%
3	02/QĐ-HĐQT	02/4/2022	Cử người đại diện phần vốn góp của Công ty CP Môi trường Đô thị Quảng Ngãi tại Công ty CP Môi trường và Dịch vụ Đô thị Việt Trì	100%
4	04/QĐ-HĐQT	07/7/2022	Thay đổi người đại diện pháp luật của Công ty	100%
5	05/QĐ-HĐQT	23/7/2022	Cử người đại diện phần vốn góp của Công ty CP Môi trường Đô thị Quảng Ngãi tại Công ty CP Môi trường và Dịch vụ Đô thị Việt Trì	100%

3.2 CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG	TỶ LỆ THÔNG QUA
1	01/NQ-HĐQT	07/02/2021	Mua cổ phần của Công ty CP Môi trường và Dịch vụ Đô thị Việt Trì	100%
2	02/NQ-HĐQT	07/02/2021	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc	100%
3	03/NQ-HĐQT	08/3/2021	Bổ nhiệm Kế toán trưởng	100%
4	04/NQ-HĐQT	10/3/2021	Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	100%
5	05/NQ-HĐQT	29/3/2021	Đăng ký lưu ký và đăng ký giao dịch bổ sung 01 triệu cổ phiếu	100%
6	05A/NQ-HĐQT	30/3/2021	Đầu tư mua sắm 07 xe ép rác chuyên dùng	100%
7	06/NQ-HĐQT	02/4/2021	Đăng ký tăng vốn điều lệ Công ty sau khi kết thúc chào bán cổ phần riêng lẻ	100%
8	08/NQ-HĐQT	03/5/2021	Phân công nhiệm vụ thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	100%
9	09/NQ-HĐQT	04/6/2021	Nghị quyết góp vốn thành lập Công ty CP Xử lý rác tổng hợp Quảng Ngãi	100%
10	10/NQ-HĐQT	14/6/2021	Mua cổ phần trong đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ của Công ty CP Môi trường và Dịch vụ Đô thị Việt Trì	100%
11	11/NQ-HĐQT	29/6/2021	Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020	100%
12	12/NQ-HĐQT	07/7/2021	Miễn nhiệm Tổng Giám đốc	100%
13	14/NQ-HĐQT	07/7/2021	Tiếp nhận và bổ nhiệm Tổng Giám đốc	100%
14	15/NQ-HĐQT	19/7/2021	Thông qua hợp đồng, giao dịch với người liên quan	100%
15	17/NQ-HĐQT	28/7/2021	Lựa chọn ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2020	100%

4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: *Không có.*

5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: *Vì tình hình dịch bệnh Covid – 19 diễn biến phức tạp nên trong năm 2021, các thành viên Hội đồng quản trị chưa thể tham gia các khóa đào tạo.*

➤ BAN KIỂM SOÁT:

1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán:

STT	THÀNH VIÊN BKS	CHỨC VỤ	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN SỞ HỮU (CỔ PHẦN)	TỶ LỆ (%)
1	Phạm Thị Bích Lai	Trưởng ban		
2	Nguyễn Thị Anh Tuyến	Thành viên	3.743	0,08%
3	Phạm Đức Cường	Thành viên	1.112	0,024%

2. Hoạt động của Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán:

STT	THÀNH VIÊN BKS	SỐ BUỔI HỌP THAM DỰ	TỶ LỆ THAM DỰ HỌP	GHI CHÚ
1	Phạm Thị Bích Lai	06	100%	
2	Nguyễn Thị Anh Tuyến	06	100%	
3	Phạm Đức Cường	06	100%	

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông:

BKS đã hợp lập kế hoạch hoạt động trong năm 2021 và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty theo quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và tuân thủ quy định của pháp luật.

Kiểm tra việc quản lý và thực hiện kế hoạch, phân phối lợi nhuận của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động kinh doanh theo các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Giám sát việc ban hành triển khai và kết quả thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc điều hành.

Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý, tính trung thực và mức độ cần trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, nắm bắt tất cả các thông tin kịp thời về hoạt động kinh doanh và đầu tư, tham gia ý kiến và đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.

BKS đã thực hiện việc lựa chọn đơn vị kiểm toán theo chức năng và nhiệm vụ của BKS mà Điều lệ Công ty quy định.

BKS thực hiện báo cáo đến Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động kiểm tra giám sát của mình.

Quan hệ phối hợp giữa Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc về cơ bản được thực hiện phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty.

➤ CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT:

1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Theo Nghị quyết số 07/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, thống nhất mức thù lao và tiền thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát là 0 đồng.

2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

S T T	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ	Tỷ lệ số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
1	Nguyễn Thị Mai Xuân	Nguyễn Thị Thu Dung	671.804	21,95%	417.372	8,86%	Nhu cầu tài chính cá nhân
2	Công ty CP Đầu tư Rạng Đông Quảng Ngãi	Vương Hùng Vân	598.286	14,7%	0	0%	Định hướng đầu tư của Doanh nghiệp
3	Công ty CP Tổng Công ty Đầu tư Hợp Nghĩa	Lê Đăng Triều	1.000.000	24,62%	2.392.897	50,81%	Nâng tỷ lệ sở hữu

3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

Trong năm 2021, Công ty đã ký kết hợp đồng với các công ty có liên quan, cụ thể như sau:

- ✓ Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Petro Dung Quất: Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Petro Dung Quất là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty.
- ✓ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Hưng: thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Hưng là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị của Công ty.
- ✓ Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Hợp Nhất: Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Hợp Nhất là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị của Công ty.

4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Việc quản trị Công ty luôn được đảm bảo theo đúng pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo được hoạt động của Công ty một cách suôn sẻ nhất; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của Công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của Công ty một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất. Ngoài ra, Công ty luôn tăng cường kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Từ đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Ý KIẾN KIỂM TOÁN
- BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐƯỢC KIỂM TOÁN

6



Ý KIẾN KIỂM TOÁN

"Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐƯỢC KIỂM TOÁN (phụ lục đính kèm báo cáo)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ QUẢNG NGÃI

MQN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐƯỢC KIỂM TOÁN Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MỤC LỤC:

1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
2. Báo cáo kiểm toán độc lập
3. Báo cáo tài chính
 - Bảng cân đối kế toán
 - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
 - Thuyết minh Báo cáo tài chính

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Quảng Ngãi theo Quyết định số 2124/QĐ-UBND ngày 08/12/2009 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Quảng Ngãi. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4300225555 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 16/12/2009, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 12 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4300225555) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 22/09/2021.

Vốn điều lệ: 47.098.860.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2021: 47.098.860.000 đồng.

Công ty được chấp thuận giao dịch cổ phiếu phổ thông trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 344/QĐ-SGDHN ngày 15/06/2018 với mã chứng khoán là MQN.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Đường Tô Hiến Thành, Phường Trần Phú, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi
- Điện thoại: (84) 255.3819612 - 3816929
- Fax: (84) 255.3816930

Ngành nghề kinh doanh

- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình đường sắt;
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Xây dựng công trình thủy;
- Xây dựng công trình khai khoáng;
- Xây dựng công trình chế biến, chế tạo;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Khai khoáng chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- Xây dựng công trình điện;
- Trồng cây lâu năm khác;
- Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt;
- Xây dựng công trình công ích khác;
- Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò;
- Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai;
- Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn;
- Trồng cây hàng năm khác;
- Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm;
- Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm;
- Xử lý hạt giống để nhân giống;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ;
- Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ;
- Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet;
- Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sản xuất điện;
- Truyền tải và phân phối điện;
- Chăn nuôi gia cầm;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất hoá chất cơ bản;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp;
- Vệ sinh chung nhà cửa;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 583 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 07 người. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|------------------------|--------------|------------------------------|
| Ông Lê Đăng Triều | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 01/01/2021 |
| Bà Nguyễn Thị Thu Dung | Phó Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 01/01/2021 |
| Ông Trần Thanh Minh | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 24/06/2020 |
| Ông Vương Hùng Văn | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 24/06/2020 |
| Ông Đoàn Nhật Linh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 24/06/2020 |
| Ông Hồ Tấn Hóa | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 24/06/2020 |
| Ông Trương Minh Phương | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 24/06/2020 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|-------------------------|------------|------------------------------|
| Bà Phạm Thị Bích Lai | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 24/06/2020 |
| Bà Nguyễn Thị Anh Tuyền | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 24/06/2020 |
| Ông Phạm Đức Cường | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 15/12/2020 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|------------------------|-------------------------------------|--|
| Ông Bùi Văn Quang | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 07/07/2021 |
| Ông Vương Hùng Văn | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/12/2020
Miễn nhiệm ngày 07/07/2021 |
| Bà Nguyễn Thị Thu Dung | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/09/2020 |
| Ông Đoàn Nhật Linh | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 30/11/2020 |
| Ông Hồ Tấn Hóa | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/01/2021 |
| Bà Trần Thị Thanh Nga | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/01/2021 |
| Ông Phạm Tấn Vũ | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 08/02/2021 |
| Ông Võ Văn Hưng | Kế toán trưởng
Phụ trách kế toán | Bổ nhiệm ngày 08/03/2021
Bổ nhiệm ngày 01/01/2021 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78 – 80 Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 236.3655886; Fax: (84) 236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Bùi Văn Quang

Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 03 năm 2022



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 253/2022/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất lập ngày 14/03/2022 của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 8 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31/12/2021, Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm ghi nhận tổng các khoản nợ phải thu chưa xác định được đối tượng là 5.490.191.721 đồng (tương ứng tại ngày 31/12/2020 là 5.526.134.071 đồng). Trong đó: nợ "Phải thu ngắn hạn của khách hàng" là 2.019.044.641 đồng (Thuyết minh số 7), "Trả trước cho người bán ngắn hạn" là 3.264.433.682 đồng (Thuyết minh số 8), "Phải thu ngắn hạn khác" là 206.713.398 đồng (Thuyết minh số 10). Đây là các khoản nợ được hợp nhất từ Báo cáo tài chính của Công ty con là Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Việt Trì. Kiểm toán viên chưa được cung cấp tài liệu liên quan đến các khoản nợ nêu trên; Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về số dư của các khoản nợ này cũng như không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh khoản mục "Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi" hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 03 năm 2022

Nguyễn Văn Thiện – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3108-2020-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 01 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		174.039.729.454	122.448.243.221
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	14.944.202.448	20.495.203.773
1. Tiền	111		12.744.202.448	20.495.203.773
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.200.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		15.300.000.000	34.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	15.300.000.000	34.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		128.724.510.626	57.924.043.929
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	95.899.842.541	46.444.484.298
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	7.403.592.612	922.453.650
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	16.570.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	9.001.120.473	10.707.150.981
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(150.045.000)	(150.045.000)
IV. Hàng tồn kho	140	12	11.483.434.520	9.570.825.812
1. Hàng tồn kho	141		11.509.091.476	9.570.825.812
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(25.656.956)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.587.581.860	458.169.707
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15.a	2.629.151.557	458.169.707
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	958.430.303	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN			100.092.684.470	49.073.914.571
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		73.313.945.540	48.164.481.147
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	73.313.945.540	48.164.481.147
- Nguyên giá	222		156.766.339.078	107.078.081.563
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(83.452.393.538)	(58.913.600.416)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.884.899.181	84.559.091
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	2.884.899.181	84.559.091
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		23.893.839.749	824.874.333
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15.b	6.413.773.039	824.874.333
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		90.839.437	-
3. Lợi thế thương mại	269	16	17.389.227.273	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		274.132.413.924	171.522.157.792

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
C. Nợ phải trả	300		90.123.260.463	33.613.006.694
I. Nợ ngắn hạn	310		67.039.625.617	17.434.918.205
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	21.046.354.203	1.784.669.210
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.100.000	4.687.678.000
3. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	18	4.738.547.572	4.498.507.800
4. Phải trả người lao động	314		13.326.370.451	3.822.364.283
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	11.357.231.697	76.027.500
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		150.000.000	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20.a	206.165.421	47.038.721
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21.a	14.250.000.000	2.180.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.962.856.273	338.632.691
II. Nợ dài hạn	330		23.083.634.846	16.178.088.489
1. Phải trả dài hạn khác	337	20.b	105.000.000	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21.b	20.844.088.489	16.178.088.489
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		2.134.546.357	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		184.009.153.461	137.909.151.098
I. Vốn chủ sở hữu	410		153.291.632.384	107.191.630.021
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	22	47.098.860.000	30.603.530.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		47.098.860.000	30.603.530.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	22	20.000.000.000	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	22	24.783.300.172	24.783.300.172
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	22	39.007.821.703	30.476.502.939
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22	20.515.655.158	21.328.296.910
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.035.988.764	75.052.843
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		18.479.666.394	21.253.244.067
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	22	1.885.995.351	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		30.717.521.077	30.717.521.077
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		30.717.521.077	30.717.521.077
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		274.132.413.924	171.522.157.792



Tổng Giám đốc
Bùi Văn Quang
Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 03 năm 2022

Kế toán trưởng
Võ Văn Hưng

Người lập biểu
Lê Thị Hồng My

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 02 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
1. Doanh thu bán hàng và c.cấp dịch vụ	01	25	312.307.318.473	152.206.837.320
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	2.882.727
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10		312.307.318.473	152.203.954.593
4. Giá vốn hàng bán	11	26	260.800.341.260	114.282.750.385
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và CC dịch vụ	20		51.506.977.213	37.921.204.208
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	700.589.525	1.961.802.146
7. Chi phí tài chính	22	28	1.185.964.475	977.239.500
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.185.964.475	977.239.500
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	27.094.335.510	14.149.451.915
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		23.927.266.753	24.756.314.939
12. Thu nhập khác	31	30	1.834.989.172	33.140.727
13. Chi phí khác	32	31	1.680.612.191	61.719.244
14. Lợi nhuận khác	40		154.376.981	(28.578.517)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		24.081.643.734	24.727.736.422
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	3.204.469.932	3.474.492.355
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		2.043.706.920	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		18.833.466.882	21.253.244.067
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		18.770.110.609	21.253.244.067
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		63.356.273	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	3.682	4.579
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	33	3.682	4.579



Tổng Giám đốc
Bùi Văn Quang
Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 03 năm 2022

Kế toán trưởng
Võ Văn Hưng

Người lập biểu
Lê Thị Hồng My

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 03 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	24.081.643.734	24.727.736.422
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02 13	8.455.094.447	3.024.897.013
- Các khoản dự phòng	03	25.656.956	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.183.203.477)	(1.950.992.744)
- Chi phí lãi vay	06 28	1.185.964.475	977.239.500
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08	32.565.156.135	26.778.880.191
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(35.747.078.515)	(3.043.931.390)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(932.813.545)	(6.389.781.720)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể			
- lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	23.634.788.693	1.529.135.807
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(5.450.356.016)	373.537.033
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.089.482.298)	(987.376.500)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15 18	(6.653.953.843)	(6.587.929.431)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(2.641.435.800)	(4.903.213.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.684.824.811	6.769.320.590
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(19.400.768.375)	(9.414.504.546)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	586.096.796	40.900.091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(16.570.000.000)	(36.285.036.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	18.700.000.000	36.285.036.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(36.887.909.792)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	772.250.935	2.048.150.091
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(52.800.330.436)	(7.325.445.364)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	30.000.000.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33 21	30.171.010.098	-
3. Tiền trả nợ gốc vay	34 21	(16.606.505.798)	(2.180.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	43.564.504.300	(2.180.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(5.551.001.325)	(2.736.124.774)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60 5	20.495.203.773	23.231.328.547
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 5	14.944.202.448	20.495.203.773



Tổng Giám đốc

Bùi Văn Quang

Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 03 năm 2022

Kế toán trưởng

Võ Văn Hưng

Người lập biểu

Lê Thị Hồng My

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Quảng Ngãi theo Quyết định số 2124/QĐ-UBND ngày 08/12/2009 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Quảng Ngãi. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4300225555 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 16/12/2009, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 12 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4300225555) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 22/09/2021.

1.2. Ngành nghề kinh doanh chính

- Dịch vụ vệ sinh môi trường;
- Hoạt động dịch vụ chăm sóc, duy trì cây xanh, thảm cỏ, cây trang trí;
- Quản lý, duy tu, bảo dưỡng hệ thống điện chiếu sáng, đèn tín hiệu giao thông, đèn trang trí;
- Thi công các công trình: thoát nước, vỉa hè, bãi xử lý rác, các công trình dân dụng, công nghiệp;
- Thu gom vận chuyển và xử lý rác thải;
- Duy tu, bảo dưỡng hệ thống thoát nước đô thị.

1.3. Cấu trúc Công ty

Công ty có 01 công ty con và 01 công ty liên kết.

Công ty con: Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Việt Trì.

- Địa chỉ: Số 2181 Đại lộ Hùng Vương, Phường Gia Cẩm, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Cung cấp dịch vụ công ích và xây dựng.
- Tỷ lệ sở hữu: 95,74%.

Công ty liên kết: Công ty Cổ phần Xử lý rác Tổng hợp Quảng Ngãi (chưa hoạt động)

- Địa chỉ: Đường Tô Hiến Thành, P.Trần Phú, TP.Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại.
- Tỷ lệ sở hữu: 50%.

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập bao gồm Công ty mẹ và Công ty con. Công ty con đã được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất này. Ngoài ra, không có Công ty con nào bị loại bỏ khỏi quá trình hợp nhất.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo quy định tại Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Các nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

4.1.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và công ty con

Công ty con là doanh nghiệp do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty trong cùng Công ty.

Loại trừ các giao dịch nội bộ

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa các công ty trong cùng Công ty với nhau bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4.1.2 Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

4.1.3 Phương pháp ghi nhận Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất, gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4.2 Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần lãi và lỗ của Công ty trong công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Nếu phần lợi ích của Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư bị giảm tới không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai, trừ khi Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.5 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50
Máy móc, thiết bị	3 – 15
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	5 – 6
Tài sản cố định khác	5 – 20

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Chi phí sửa chữa lớn tài sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.10 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Các khoản chi phí phải trả chủ yếu của Công ty là chi phí lãi vay được xác định dựa trên hợp đồng vay đã ký với bên cho vay.

4.11 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận khi Công ty nhận trước tiền cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng. Doanh thu chưa thực hiện được phân bổ theo số kỳ mà Công ty đã nhận tiền trước.

4.12 Vay và các khoản nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Đối với các khoản vay và nợ thuê tài chính là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hoá vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.13 Thuế hoãn lại

Thuế TNDN hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời ngoại trừ các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Thuế TNDN hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán sao cho đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận này.

Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ nếu khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế và chênh lệch tạm thời được khấu trừ liên quan đến cùng một đối tượng nộp thuế và được quyết toán với cùng một cơ quan thuế.

4.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các Cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.15 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.

Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.16 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.17 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

4.18 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.19 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận là các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.20 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.21 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.22 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

Thuế GTGT:

- Dịch vụ duy trì vườn hoa, công viên, cây xanh đường phố; Chiếu sáng công cộng bao gồm chiếu sáng đường phố, ngõ, xóm trong khu dân cư, vườn hoa, công viên; Dịch vụ lễ tang và mai táng: thuộc đối tượng không chịu thuế.
- Hàng hóa, dịch vụ khác: áp dụng theo thuế suất hiện hành.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp: áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 20%.

Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.23 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	31/12/2021	01/01/2021
Tiền mặt	923.753.105	22.236.400
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.820.449.343	20.472.967.373
Các khoản tương đương tiền	2.200.000.000	-
Cộng	14.944.202.448	20.495.203.773

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 12 tháng	15.300.000.000	15.300.000.000	34.000.000.000	34.000.000.000
Cộng	15.300.000.000	15.300.000.000	34.000.000.000	34.000.000.000

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2021	01/01/2021
BQL Các Dự án ĐT & XD và PT quỹ đất TP Quảng Ngãi	21.520.318.000	20.978.645.000
BQL DA XD Công trình Hạ tầng Thành phố Việt Trì	16.260.939.000	-
Sở Xây dựng Thành phố Quảng Ngãi	12.180.465.000	9.617.864.000
Công ty CP Đầu tư Phát triển Gia Hưng	9.723.879.000	2.255.074.000
Phòng Quản lý Đô thị Thành phố Việt Trì	7.521.174.000	-
Các khoản nợ không rõ đối tượng (*)	2.019.044.641	-
Các đối tượng khác	26.674.022.900	13.592.901.298
Cộng	95.899.842.541	46.444.484.298

(*) Là các khoản nợ phải thu khách hàng không rõ đối tượng, không có đầy đủ hồ sơ tại Công ty CP Môi trường và Dịch vụ Đô thị Việt Trì

Trong đó, phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan:

	Mối quan hệ	31/12/2021	01/01/2021
Công ty CP Đầu tư Phát triển Gia Hưng	Chung Công ty mẹ	9.723.879.000	2.255.074.000
Cộng		9.723.879.000	2.255.074.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Công trình	430.835.650	430.835.650
Công ty CP Thiết kế và Xây dựng Đức Việt	210.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Thái Thủy	920.000.000	-
Các khoản nợ không rõ đối tượng (*)	3.264.433.682	-
Các đối tượng khác	2.578.323.280	491.618.000
Cộng	7.403.592.612	922.453.650

(*) Là các khoản nợ trả trước cho người bán không rõ đối tượng, không có đầy đủ hồ sơ (trong đó phát sinh trước cổ phần hóa tháng 06/2006 là 2.448.923.186 đồng) tại Công ty CP Môi trường và Dịch vụ Đô thị Việt Trì

9. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Hợp Nghĩa (i1)	10.000.000.000	-
Ông Trần Thanh Minh (i2)	6.570.000.000	-
Cộng	16.570.000.000	-

(i1) Cho Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Hợp Nghĩa vay theo Hợp đồng số 01/2021/MQN-DVHN ngày 09/11/2021, thời hạn vay: 9 tháng. Lãi suất 6,2%/năm.

(i2) Cho ông Trần Thanh Minh (bên liên quan) vay theo Giấy mượn tiền ngày 01/10/2021, thời hạn vay: 11 tháng. Lãi suất 6,5%/năm. Khoản cho vay này không có tài sản thế chấp.

10. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	7.364.572.000	-	85.832.000	-
Lãi dự thu	277.341.371	-	459.591.781	-
Ký quỹ, ký cược	364.372.628	-	10.161.727.200	-
BHXH	251.076	-	-	-
Các khoản nợ không rõ đối tượng (*)	206.713.398	-	-	-
Phải thu khác	787.870.000	-	-	-
Cộng	9.001.120.473	-	10.707.150.981	-

(*) Là các khoản nợ phải thu khác không rõ đối tượng, không có đầy đủ hồ sơ tại Công ty CP Môi trường và Dịch vụ Đô thị Việt Trì.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

11. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2021	01/01/2021
Dự phòng các khoản phải thu quá hạn trên 3 năm	(150.045.000)	(150.045.000)
Cộng	(150.045.000)	(150.045.000)

12. Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.879.525.682	(25.071.500)	801.017.497	-
Công cụ, dụng cụ	385.362.439	(305.456)	7.665.366	-
Chi phí SX, KD dở dang	4.971.677.978	-	8.194.784.116	-
Thành phẩm	1.131.248.129	(280.000)	422.390.183	-
Hàng hóa	2.141.277.248	-	144.968.650	-
Cộng	11.509.091.476	(25.656.956)	9.570.825.812	-

Giá trị Hàng tồn kho tồn đọng, kém phẩm chất, không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2021 là 25.656.956 đồng.

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố để đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2021.

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác (*)	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	8.319.679.490	2.040.540.669	58.526.059.855	283.251.773	37.908.549.776	107.078.081.563
Tăng do hợp nhất	6.388.799.809	212.469.000	25.004.958.740	203.528.550	374.103.001	32.183.859.100
Mua sắm trong năm	970.754.951	285.000.000	17.875.067.075	197.227.259	-	19.328.049.285
T/lý, nhượng bán	345.067.325	37.259.000	1.298.705.085	142.619.460	-	1.823.650.870
Số cuối năm	15.334.166.925	2.500.750.669	100.107.380.585	541.388.122	38.282.652.777	156.766.339.078
Khấu hao						
Số đầu năm	6.926.341.677	1.831.508.123	42.742.963.043	221.758.874	7.191.028.699	58.913.600.416
Tăng do hợp nhất	2.717.536.061	73.122.378	16.211.895.328	203.528.550	122.574.384	19.328.656.701
Khấu hao trong năm	637.233.121	280.885.403	5.535.987.126	52.170.180	16.682.253	6.522.958.083
T/lý, nhượng bán	309.879.620	37.259.000	823.063.582	142.619.460	-	1.312.821.662
Số cuối năm	9.971.231.239	2.148.256.904	63.667.781.915	334.838.144	7.330.285.336	83.452.393.538
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	1.393.337.813	209.032.546	15.783.096.812	61.492.899	30.717.521.077	48.164.481.147
Số cuối năm	5.362.935.686	352.493.765	36.439.598.670	206.549.978	30.952.367.441	73.313.945.540

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

(*) Trong tài sản cố định khác có tài sản cố định hình thành từ nguồn vốn Ngân sách Nhà nước với tổng nguyên giá: 37.327.620.554 đồng, hao mòn lũy kế tính đến 31/12/2015 là 6.610.099.477 đồng. Theo quy định tại điểm 4, Điều 1, Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính, Công ty không phải trích khấu hao từ 01/01/2016 đến nay mà chỉ mở sổ chi tiết theo dõi giá trị hao mòn hàng năm của từng tài sản và không được ghi giảm nguồn vốn hình thành tài sản. Theo đó, giá trị hao mòn lũy kế của các Tài sản này tính đến 31/12/2021 là 34.605.814.893 đồng.

- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2021: 45.428.897.779 đồng.
- Giá trị còn lại của TSCĐ đem cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2021 là 19.011.054.635 đồng.

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2021	01/01/2021
Chi phí đầu tư dự án nghĩa trang An Lạc Viên	80.559.091	80.559.091
Trụ sở Văn phòng làm việc Công ty	76.719.091	-
Công trình đường bê tông, san nền	2.727.620.999	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	-	4.000.000
Cộng	2.884.899.181	84.559.091

15. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	2.275.625.813	125.483.383
Chi phí bảo hiểm ô tô	239.324.288	252.685.095
Phí đường bộ	67.230.805	80.001.229
Chi phí trả trước khác	46.970.652	-
Cộng	2.629.151.557	458.169.707

b. Dài hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	5.132.972.203	752.023.903
Chi phí sửa chữa	710.557.830	-
Phí đường bộ	37.509.927	20.801.199
Các khoản khác	532.733.079	52.049.231
Cộng	6.413.773.039	824.874.333

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

16. Lợi thế thương mại

	Năm 2021	Năm 2020
Giá trị đầu năm	-	-
Tăng trong năm	19.321.363.637	-
Giảm trong năm do phân bổ	1.932.136.364	-
Giá trị cuối năm	17.389.227.273	-

17. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Hộ kinh doanh Việt Thanh	3.008.720.000	-
Công ty Cổ phần Hải Nam	2.968.942.500	-
Công ty CP Xây dựng Đức Mạnh	2.326.935.300	-
Công ty TNHH TM - DV Cơ giới Xây dựng Sông Trà	1.311.052.000	452.784.000
Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ Môi trường MD	843.785.000	-
Các đối tượng khác	10.586.919.403	1.331.885.210
Cộng	21.046.354.203	1.784.669.210

Trong đó: Phải trả người bán là bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2021	01/01/2021
Công ty CP Đầu tư Phát triển Gia Hưng	Chung Công ty mẹ	-	158.907.000
Công ty CP Phát triển đầu tư Hợp nhất	Chung Công ty mẹ	714.952.220	119.100.000
Cộng		714.952.220	278.007.000

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm	
				Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	1.909.098.312	13.743.491.887	10.947.931.091	-	4.704.659.108
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.491.053.608	3.204.469.932	6.653.953.843	958.430.303	-
Thuế thu nhập cá nhân	97.240.360	149.552.056	213.908.832	-	32.883.584
Thuế tài nguyên	1.115.520	56.063.176	56.173.816	-	1.004.880
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	794.311.695	794.311.695	-	-
Các loại thuế khác	-	40.486.669	40.486.669	-	-
Phí, lệ phí và các khoản p/n khác	-	147.502.527	147.502.527	-	-
Cộng	4.498.507.800	18.135.877.942	18.854.268.473	958.430.303	4.738.547.572

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Trích trước chi phí lãi vay	160.274.061	76.027.500
Chi phí công tác nạo vét bùn hệ thống thoát nước	1.008.000.000	-
Chi phí nguyên vật liệu	5.259.536.182	-
Các khoản khác	4.929.421.454	-
Cộng	11.357.231.697	76.027.500

20. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Thuế TNCN	19.352.917	2.797.375
Kinh phí công đoàn	29.949.600	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	156.862.904	44.241.346
Cộng	206.165.421	47.038.721

b. Dài hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn (*)	105.000.000	-
Cộng	105.000.000	-

(*) Nhận ký quỹ trách nhiệm của lái xe và Công ty đã gửi toàn bộ số tiền này vào tài khoản tiết kiệm của từng lái xe theo hợp đồng 3 bên với Ngân hàng, tương ứng với Khoản phải thu ngắn hạn khác tại Thuyết minh số 10.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

21. Vay và nợ thuê tài chính

a. Ngắn hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay ngắn hạn	-	24.472.505.798	14.172.505.798	10.300.000.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Quảng Ngãi	-	5.753.818.628	5.753.818.628	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hùng Vương	-	8.418.687.170	8.418.687.170	-
- Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Hợp Nghĩa (*)	-	10.000.000.000	-	10.000.000.000
- Bà Nguyễn Thị Hồng Lê	-	300.000.000	-	300.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	2.180.000.000	4.204.000.000	2.434.000.000	3.950.000.000
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Quảng Ngãi (i1)	2.180.000.000	2.180.000.000	2.180.000.000	2.180.000.000
- Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ngãi (i2)	-	1.190.000.000	254.000.000	936.000.000
- Quỹ bảo vệ Môi trường Tỉnh Phú Thọ (i3)	-	580.000.000	-	580.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Vương (i4)	-	254.000.000	-	254.000.000
Cộng	2.180.000.000	28.676.505.798	16.606.505.798	14.250.000.000

(*) Vay ngắn hạn Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Hợp Nghĩa theo hợp đồng vay số 02/2021/DVHN-MTĐT ngày 09/11/2021 để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo đó, thời hạn vay của hợp đồng là 270 ngày kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay là 6,5%. Tổng hạn mức vay là 10.000.000.000 đồng.

b. Dài hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay dài hạn				
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Quảng Ngãi (i1)	16.350.000.000	-	2.180.000.000	14.170.000.000
- Ngân sách Tỉnh Quảng Ngãi	2.008.088.489	-	-	2.008.088.489
- Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ngãi (i2)	-	4.700.000.000	254.000.000	4.446.000.000
- Quỹ bảo vệ Môi trường Tỉnh Phú Thọ (i3)	-	2.900.000.000	-	2.900.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Vương (i4)	-	1.270.000.000	-	1.270.000.000
Cộng	18.358.088.489	8.870.000.000	2.434.000.000	24.794.088.489
Trong đó:				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	2.180.000.000	-	-	3.950.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16.178.088.489			20.844.088.489

(i1) Vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam Chi nhánh Quảng Ngãi theo Hiệp định vay phụ ngày 05/05/2004. Mục đích vay: Đầu tư cho dự án "Cải thiện Môi trường Đô thị Miền Trung". Thời hạn vay: 240 tháng (Thời gian ân hạn là 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên). Lãi suất và phí cho vay: 5,4%/năm. Tiền lãi và phí cho vay này sẽ được tính dồn bắt đầu từ ngày Công ty rút vốn và sẽ được tính trên cơ sở một năm 360 ngày. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% so với lãi suất trong hạn đối với số tiền nợ quá hạn đó. Thời gian trả nợ: kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 01/12/2014, gốc vay dài hạn đến hạn trả trong năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

2021 là 2.180.000.000 đồng.

(i2) Vay Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ngãi theo Hợp đồng vay số 06/2021/HĐTD-QBVMT ngày 07/09/2021. Mục đích vay: Đầu tư mua sắm xe ép rác chuyên dùng. Thời hạn vay: 60 tháng. Lãi suất và phí cho vay: 4%/năm, cố định trong suốt thời gian vay.

(i3) Vay dài hạn Quỹ bảo vệ Môi trường Tỉnh Phú Thọ theo hợp đồng tín dụng số 01./2021/HĐTD-QBVMT ngày 15/10/2021 để đầu tư mới xe ô tô cuốn ép chõ rác, ô tô xi téc phun nước rửa đường tại địa bàn thành phố Việt Trì và các vùng lân cận. Theo đó, thời hạn vay của hợp đồng là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay là 2%/năm. Tổng hạn mức vay là 2.900.000.000 đồng.

(i4) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam - CN Hùng Vương theo hợp đồng số 02/2021/7609549/HĐTD ngày 14/10/2021 để đầu tư xe mới ô tô tải cầu, BKS: 19C-181.86. Theo đó, thời hạn vay của hợp đồng là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay là 9% cố định trong 1 năm, sau đó điều chỉnh 03 tháng/1 lần theo quy định của BIDV. Tổng hạn mức vay là 1.270.000.000 đồng.

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế
Số dư tại 01/01/2020	22.177.290.000	-	7.897.892.973	38.436.617.297	22.313.232.104
Tăng trong năm	8.426.240.000		16.885.407.199	8.925.292.841	21.253.244.067
Giảm trong năm	-		-	16.885.407.199	22.238.179.261
Số dư tại 31/12/2020	30.603.530.000	-	24.783.300.172	30.476.502.939	21.328.296.910
Số dư tại 01/01/2021	30.603.530.000	-	24.783.300.172	30.476.502.939	21.328.296.910
Tăng trong năm	16.495.330.000	20.000.000.000	-	8.531.318.764	18.770.110.609
Giảm trong năm	-		-	-	19.582.752.361
Số dư tại 31/12/2021	47.098.860.000	20.000.000.000	24.783.300.172	39.007.821.703	20.515.655.158

b. Cổ phiếu

	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.709.886	3.060.353
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.709.886	3.060.353
- Cổ phiếu thường	4.709.886	3.060.353
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.709.886	3.060.353
- Cổ phiếu thường	4.709.886	3.060.353
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang	21.328.296.910	22.313.232.104
Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty mẹ	18.770.110.609	21.253.244.067
Điều chỉnh do thay đổi tỷ lệ sở hữu	(290.444.215)	-
Phân phối lợi nhuận năm trước (i)	19.292.308.146	22.238.179.261
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	8.531.318.764	8.925.292.841
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	4.265.659.382	4.462.646.420
+ Thương Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị	-	424.000.000
+ Trả cổ tức bằng cổ phiếu	6.495.330.000	8.426.240.000
Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	20.515.655.158	21.328.296.910

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 07/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2021.

d. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã thông qua phương án chi trả cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế năm 2020 với tỷ lệ 16% vốn điều lệ. Theo đó, Công ty đã chốt danh sách cổ đông tại ngày 17/08/2021 và phát hành 649.533 cổ phiếu (tương ứng 6.495.330.000 đồng) để trả cổ tức. Số lượng cổ phiếu lẻ được hủy bỏ.

23. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát ngày đầu năm	-	-
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tăng trong năm	1.885.995.351	-
- Tăng tại ngày mua	1.532.194.863	-
- Tăng từ phát hành thêm CP	290.444.215	-
- Tăng từ kết quả kinh doanh	63.356.273	-
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát giảm trong năm	-	-
Cộng	1.885.995.351	-

24. Khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính	Tại 31/12/2021		
	Số lượng	Nguyên giá	
Tài sản nhận giữ hộ			
Vườn hoa Thành phố	Vườn	1	48.313.000
Nhà lưới vườn ươm	Nhà	1	29.993.463
Máy điều hoà nhiệt độ (2 cái)	Cái	2	45.747.000
Máy điều hoà nhiệt độ	Cái	1	43.948.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021	Năm 2020
Doanh thu cung cấp dịch vụ	311.857.543.033	151.889.205.502
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hoá	435.972.710	311.109.092
Thanh lý phế liệu	13.802.730	6.522.726
Cộng	312.307.318.473	152.206.837.320

26. Giá vốn hàng bán

	Năm 2021	Năm 2020
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	260.517.602.213	114.110.774.385
Giá vốn thành phẩm, hàng hoá	257.082.091	171.976.000
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	25.656.956	-
Cộng	260.800.341.260	114.282.750.385

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	700.589.525	1.961.802.146
Cộng	700.589.525	1.961.802.146

28. Chi phí tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí lãi vay	1.185.964.475	977.239.500
Cộng	1.185.964.475	977.239.500

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021	Năm 2020
Lương và các khoản trích theo lương	14.237.266.534	8.347.181.101
Phân bổ lợi thế thương mại	1.932.136.364	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	619.228.895	436.313.435
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.082.947.348	1.633.434.038
Các khoản khác	8.222.756.369	3.732.523.341
Cộng	27.094.335.510	14.149.451.915

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

30. Thu nhập khác

	Năm 2021	Năm 2020
Xử lý công nợ	1.243.867.471	-
Thu nhập từ bồi thường khi Nhà nước thu hồi tài sản	407.346.364	-
Thu nhập khác	183.775.337	33.140.727
Cộng	1.834.989.172	33.140.727

31. Chi phí khác

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí hỗ trợ Covid 19	1.350.000.000	-
Truy thu thuế, phạt vi phạm hành chính	248.070.131	687.584
Chi phí khác	82.542.060	61.031.660
Cộng	1.680.612.191	61.719.244

32. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021	Năm 2020
Tổng lợi nhuận kê toán trước thuế	24.081.643.734	24.727.736.422
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(8.059.294.073)	90.066.113
- Điều chỉnh tăng	4.425.719.311	90.066.113
+ Chi phí không được trừ khác	2.039.385.764	90.066.113
+ Chênh lệch chưa thực hiện tại Công ty con	454.197.183	-
+ Phân bổ lợi thế thương mại	1.932.136.364	-
- Điều chỉnh giảm	12.485.013.384	-
+ Chuyển lỗ	1.812.281.597	-
+ Trích dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con	10.672.731.787	-
Tổng thu nhập chịu thuế	16.022.349.661	24.817.802.535
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.204.469.932	-

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.204.469.932	3.474.492.355
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	3.204.469.932	4.963.560.507
- Chi phí thuế TNDN hiện hành được giảm 30% theo NQ 116/2020/QH14	-	(1.489.068.152)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

33. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	18.770.110.609	21.253.244.067
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	(2.202.948.517)	(4.265.659.382)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng, phúc lợi)	2.202.948.517	4.265.659.382
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ	16.567.162.092	16.987.584.685
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.498.927	3.709.886
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu	3.682	4.579

Chỉ tiêu Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2020 thay đổi do điều chỉnh số liệu trích quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát từ lợi nhuận sau thuế năm 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 phê duyệt và hồi tố số lượng cổ phiếu trả cổ tức trong năm 2021. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu năm 2021 đã trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo phương án Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã thông qua.

34. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	86570126748	21.526.250.392
Chi phí nhân công	118.750.675.450	65.632.543.190
Chi phí khấu hao tài sản cố định, lợi thế thương mại	8.455.094.447	3.024.897.013
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.948.625.617	34.071.563.522
Chi phí khác bằng tiền	26.412.981.783	10.944.939.769
Cộng	286.137.504.045	135.200.193.886

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

35. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động, Công ty hoạt động tại thị trường địa lý là Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam và tỉnh Phú Thọ, Việt Nam:

	Quảng Ngãi		Phú Thọ		Tổng cộng	
	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020
Doanh thu thuần	199.492.209.713	152.203.954.593	112.815.108.760	-	312.307.318.473	152.203.954.593
Giá vốn	157.945.305.675	114.282.750.385	102.855.035.585	-	260.800.341.260	114.282.750.385
Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.326.601.864	14.149.451.915	8.767.733.646	-	27.094.335.510	14.149.451.915
Lợi nhuận của bộ phận KD	23.220.302.174	23.771.752.293	1.192.339.529	-	24.412.641.703	23.771.752.293
Doanh thu hoạt động tài chính	582.336.186	1.961.802.146	118.253.339	-	700.589.525	1.961.802.146
Chi phí tài chính	915.706.392	977.239.500	270.258.083	-	1.185.964.475	977.239.500
Lợi nhuận khác	20.734.839	(28.578.517)	133.642.142	-	154.376.981	-28.578.517
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế					24.081.643.734	24.727.736.422

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

36. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro về giá và rủi ro về tỷ giá) rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường:

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ khoản vay đã ký kết. Đây là khoản vay dài hạn với lãi suất thấp và cố định. Do đó Công ty không có rủi ro lớn về biến động lãi suất ngoài dự tính.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa mua vào. Để quản lý rủi ro về biến động giá cả nguyên vật liệu mua vào công ty đã ký kết các hợp đồng với mức giá phù hợp và ổn định nên Công ty cho rằng rủi ro về giá cả nguyên vật liệu, hàng hóa trong hoạt động kinh doanh ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Nguồn thu chủ yếu của Công ty từ Ngân sách tỉnh Quảng Ngãi, Sở Xây dựng Thành phố Quảng Ngãi, Ngân sách Thành phố Việt Trì. Với đặc thù trong lĩnh vực môi trường đô thị và khách hàng giao dịch thường xuyên, tình hình thanh toán công nợ kịp thời, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	21.046.354.203	-	21.046.354.203
Chi phí phải trả	11.357.231.697	-	11.357.231.697
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	14.250.000.000	20.844.088.489	35.094.088.489
Phải trả khác	156.862.904	105.000.000	261.862.904
Cộng	46.810.448.804	20.949.088.489	67.759.537.293

2553
CÔNG TY
HẠN
LIÊN
THỊ
QUẢNG
NGÃI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

01/01/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	1.784.669.210	-	1.784.669.210
Chi phí phải trả	76.027.500	-	76.027.500
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	2.180.000.000	16.178.088.489	18.358.088.489
Phải trả khác	44.241.346	-	44.241.346
Cộng	4.084.938.056	16.178.088.489	20.263.026.545

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và khoản tương đương tiền	14.944.202.448	-	14.944.202.448
Phải thu khách hàng	95.899.842.541	-	95.899.842.541
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	15.300.000.000	-	15.300.000.000
Phải thu về cho vay	16.570.000.000	-	16.570.000.000
Phải thu khác	1.454.673.856	-	1.454.673.856
Cộng	144.168.718.845	-	144.168.718.845

01/01/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và khoản tương đương tiền	20.495.203.773	-	20.495.203.773
Phải thu khách hàng	46.444.484.298	-	46.444.484.298
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	34.000.000.000	-	34.000.000.000
Phải thu khác	10.621.318.981	-	10.621.318.981
Cộng	111.561.007.052	-	111.561.007.052

5-C.1.0
G
TÀI

37. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Công ty CP Tổng Công ty Đầu tư Hợp Nghĩa	Công ty mẹ
Công ty CP Đầu tư Phát triển Gia Hưng	Chung Công ty mẹ
Công ty CP Phát triển Đầu tư Hợp Nhất	Chung Công ty mẹ
Công ty CP Đầu tư Thương mại Petro Dung Quất	Chung Công ty mẹ

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2021	Năm 2020
Bán hàng			
Công ty CP Đầu tư Phát triển Gia Hưng	Cung cấp dịch vụ	7.954.351.818	1.951.219.091
Mua hàng			
Công ty CP Đầu tư Thương mại Petro Dung Quất	Mua nguyên liệu	3.717.870.065	-
Công ty CP Đầu tư Phát triển Gia Hưng	Thuê ca máy	-	144.460.909

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

c. Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

			Năm 2021	Năm 2020
Lê Đăng Triều	Chủ tịch HĐQT	Lương, thưởng	417.609.351	-
Bùi Văn Quang	Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	154.110.797	-
Vương Hùng Văn	Thành viên HĐQT	Lương, thưởng	375.240.893	681.400.130
Đoàn Nhật Linh	Thành viên HĐQT	Lương, thưởng	360.596.562	381.783.157
	Phó Tổng Giám đốc			
Nguyễn Thị Thu Dung	Thành viên HĐQT	Lương, thưởng	332.653.079	171.579.944
	Phó Tổng Giám đốc			
Hồ Tấn Hóa	Thành viên HĐQT	Lương, thưởng	337.127.801	258.935.313
	Phó Tổng Giám đốc			
Trần Thị Thanh Nga	Phó Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	315.573.089	-
Phạm Tấn Vũ	Phó Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	319.085.640	-
Trương Minh Phương	Thành viên HĐQT	Lương, thưởng	236.804.765	244.698.190

(*) Năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty thống nhất không nhận thù lao Hội đồng quản trị.

38. Sự kiện quan trọng trong kỳ ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Năm 2021 là năm mà Việt Nam chịu sự ảnh hưởng nặng nề bởi Đại dịch Covid-19. Chính phủ đã áp dụng nhiều biện pháp mạnh để ngăn chặn đại dịch như: hạn chế đi lại, kiểm soát biên giới, giãn cách xã hội,.... Do đó mà tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp đều bị ảnh hưởng. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá tác động của Covid-19 đến hoạt động kinh doanh của Công ty và từ đó xây dựng, áp dụng các kế hoạch phù hợp để kiểm soát tình hình, giảm thiểu các tác động tiêu cực và đảm bảo cho hoạt động kinh doanh của Công ty được ổn định.

39. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

40. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính riêng năm 2020 của Công ty mẹ đã được kiểm toán bởi AAC.



Tổng Giám đốc

Bùi Văn Quang

Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 03 năm 2022

Kế toán trưởng

Vũ Văn Hưng

Người lập

Lê Thị Hồng My

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ QUẢNG NGÃI

Tỉnh Quảng Ngãi, ngày 23 tháng 3 năm 2022
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



Bùi Văn Quang